BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC**
**TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2485 /HD-TĐHHN

*Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2023*

# HƯỚNG DẪN
## Công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2023 tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (**Mã: DMT**) hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2023 đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường như sau:

**1. Đối tượng tuyển sinh**

Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT Việt Nam) ở nước ngoài hoặc Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).

**2. Phạm vi tuyển sinh:**

Tuyển sinh trong phạm vi toàn quốc.

**3. Phương thức tuyển sinh**

Nhà trường xét tuyển theo 05 phương thức:

- ***Phương thức 1:*** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- ***Phương thức 2:*** Xét tuyển đặc cách theo quy định của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

+ Thí sinh học ba năm và tốt nghiệp THPT tại các Trường THPT chuyên.

+ Thí sinh tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ Tiếng Anh TOEFL IBT 64/120 điểm hoặc IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương do cơ quan quốc tế có thẩm quyền cấp còn thời hạn hiệu lực sử dụng tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển.

+ Thí sinh tốt nghiệp THPT và đạt học lực giỏi ba năm: Lớp 10, lớp 11, lớp 12.

- ***Phương thức 3:*** Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

- ***Phương thức 4:*** Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT (Học bạ THPT) sử dụng kết quả học tập lớp 12 THPT.

- ***Phương thức 5:*** Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2023.

**4. Chỉ tiêu tuyển sinh**

***a) Chỉ tiêu xét tuyển các ngành thuộc trụ sở chính (Học tại Hà Nội): 3530 chỉ tiêu***

| TT | Mã ngành | Ngành | Chỉ tiêu theo phương thức | | | | | Tổ hợp môn Xét tuyển *(Đối với phương thức xét điểm thi THPT và xét Học bạ THPT)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Thi THPT | Học bạ | Thi ĐGNL | XTT, XUT | Xét đặc cách | |
| 1 | 7340301 | Kế toán | 200 | 200 | 20 | 2 | 18 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>A07: Toán, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 2 | 7340101 | Quản trị kinh doanh | 60 | 60 | 20 | 2 | 8 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 3 | 7340116 | Bất động sản | 40 | 40 | 10 | 2 | 8 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 4 | 7340115 | Marketing | 60 | 60 | 20 | 2 | 8 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 5 | 7380101 | Luật | 60 | 60 | 20 | 2 | 8 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 6 | 7420203 | Sinh học ứng dụng | 24 | 24 | 0 | 2 | 0 | A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh<br>D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh |
| 7 | 7440298 | Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững | 19 | 19 | 0 | 2 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh<br>D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh |
| 8 | 7440221 | Khí tượng và khí hậu học | 19 | 19 | 0 | 2 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 9 | 7440224 | Thủy văn học | 19 | 19 | 0 | 2 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 10 | 7510406 | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 60 | 60 | 14 | 2 | 4 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 11 | 7510605 | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | 60 | 60 | 20 | 2 | 8 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 12 | 7520501 | Kỹ thuật địa chất | 19 | 19 | 0 | 2 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh<br>D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh |

| TT | Mã ngành | Ngành | Chỉ tiêu theo phương thức | | | | | Tổ hợp môn Xét tuyển *(Đối với phương thức xét điểm thi THPT và xét Học bạ THPT)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Thi THPT | Học bạ | Thi ĐGNL | XTT, XUT | Xét đặc cách | |
| 13 | 7520503 | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ | 39 | 39 | 0 | 2 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh<br>D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh |
| 14 | 7540106 | Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm | 49 | 49 | 0 | 2 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh<br>D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh |
| 15 | 7850102 | Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên | 20 | 20 | 15 | 2 | 3 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>A07: Toán, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 16 | 7850199 | Quản lý biển | 19 | 19 | 0 | 2 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 17 | 7850103 | Quản lý đất đai | 150 | 150 | 15 | 2 | 13 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 18 | 7850198 | Quản lý tài nguyên nước | 19 | 19 | 0 | 2 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 19 | 7850101 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 85 | 85 | 10 | 2 | 8 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh<br>D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh |
| 20 | 7220201 | Ngôn ngữ Anh ***(**)*** | 55 | 55 | 0 | 2 | 8 | A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh<br>D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh<br>D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh |
| 21 | 7480201 | Công nghệ thông tin | 200 | 200 | 20 | 2 | 18 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 22 | 7810103 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 200 | 200 | 20 | 2 | 18 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 23 | 7810201 | Quản trị khách sạn | 90 | 90 | 10 | 2 | 8 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| **Tổng chỉ tiêu** | | | 1566 | 1566 | 214 | 46 | 138 | |

***** Điều kiện ĐKXT ngành Ngôn ngữ Anh: Điểm tiếng Anh ≥ 5.00 theo phương thức xét điểm thi THPT; ≥ 7.00 theo phương thức xét điểm Học bạ lớp 12 *****

***b) Chỉ tiêu các ngành thuộc phân hiệu tỉnh Thanh Hóa (Học tại Thanh Hóa): 70 chỉ tiêu***

| TT | Mã ngành | Ngành | Chỉ tiêu theo phương thức | | | | | Tổ hợp môn Xét tuyển *(Đối với phương thức xét điểm thi THPT và xét Học bạ THPT)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Thi THPT | Học bạ | Thi ĐGNL | XTT, XUT | Xét đặc cách | |
| 1 | 7340301 | Kế toán | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>A07: Toán, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 2 | 7510406 | Công nghệ kỹ thuật môi trường | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 3 | 7520503 | Kỹ thuật trắc địa bản đồ | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh<br>D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh |
| 4 | 7850103 | Quản lý đất đai | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 5 | 7850101 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh<br>D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh |
| 6 | 7480201 | Công nghệ thông tin | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>B00: Toán, Hóa học, Sinh học<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| 7 | 7810103 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 | A00: Toán, Vật lý, Hóa học<br>A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh<br>C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý<br>D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh |
| **Tổng chỉ tiêu** | | | **35** | **35** | | | | |

***<u>Lưu ý:</u> Thí sinh ĐKXT các mã ngành thuộc trụ sở chính (Hà Nội) sẽ học tại Hà Nội và các mã ngành thuộc phân hiệu Thanh Hóa sẽ học tại tỉnh Thanh Hóa.***

***c) Thông tin chế độ ưu đãi, hỗ trợ đối với sinh viên các ngành đào tạo truyền thống đặc thù của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội:***

- Các ngành đào tạo truyền thống đặc thù của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (tại cả Trụ sở chính và Phân hiệu) gồm các ngành sau:

+) Khí tượng và Khí hậu học;

+) Thủy văn học;

+) Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững;

+) Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ;

+) Kỹ thuật địa chất;

+) Quản lý biển;

+) Quản lý tài nguyên nước.

- Nhà trường bố trí cho sinh viên các ngành trên chỗ ở miễn phí tại ký túc xá trong 04 năm học tập tại Trường (nếu có nhu cầu).

- Ngoài học bổng căn cứ vào kết quả học tập từng kỳ theo quy định, tất cả sinh viên các ngành trên được cấp học bổng bằng nguồn xã hội hóa của Nhà trường.

**5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**

- Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023: Nhà trường công bố điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố kết quả điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT. Ngoài ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo tổ hợp, đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Ngôn ngữ Anh phải đạt điều kiện điểm tiếng Anh trong tổ hợp môn xét tuyển không nhỏ hơn 5,00/ thang điểm 10 (tối thiểu ≥ 5,00/10).

- Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2023: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào phải đạt điều kiện tổng điểm bài thi đánh giá năng lực *(không cộng điểm ưu tiên, không nhân hệ số môn chính)* không nhỏ hơn 75/ thang điểm 150 (tối thiểu ≥ 75/150).

- Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ) như sau:

- ***Ngành ngôn ngữ Anh:*** Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là tổng điểm trung bình cộng của các đầu điểm gồm điểm TB cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân không nhỏ hơn 18,00 điểm *(không cộng điểm ưu tiên, không nhân hệ số môn chính)* trong đó điều kiện bắt buộc điểm môn tiếng Anh *(Môn chính)* là điểm trung bình cộng các đầu điểm TB năm lớp 11; HK1 lớp 12 không nhỏ hơn 7,00/ thang điểm 10 (điểm tối thiểu ≥ 7,00/10).

- ***Các ngành đào tạo khác:*** Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là tổng điểm trung bình cộng của các đầu điểm gồm điểm TB cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân không nhỏ hơn 18,00 điểm *(không cộng điểm ưu tiên, không nhân hệ số môn chính).*

- Đối với thí sinh xét tuyển đặc cách theo quy định của Trường: Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tính theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 hoặc theo kết quả học tập THPT (Học bạ) đối với ngành có nguyện vọng xét tuyển đặc cách.

**6. Tổ chức tuyển sinh năm 2023**

- Để đăng ký xét tuyển *(sau đây gọi là ĐKXT)* tại Trường đợt 1 (đợt chính thức) ***tất cả thí sinh phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chi tiết về cách thức và thời gian đăng ký thí sinh thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*** và được công nhận trúng tuyển khi có kết quả trúng tuyển chính thức từ quy trình xét nguyện vọng toàn quốc của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với thí sinh thuộc diện quy định phải khai báo thông tin xét tuyển tại Trường *(chi tiết xem theo quy định cụ thể của từng phương thức xét tuyển tại mục 6.1 bên dưới)* phải thực hiện thêm bước khai báo toàn bộ thông

tin, minh chứng ĐKXT tại hệ thống tuyển sinh của Trường trùng khớp, chính xác với thông tin ĐKXT trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo để được xét tuyển.

- Để đảm bảo kết quả và quyền lợi của mình, thí sinh chú ý theo dõi và thực hiện theo các thông báo, hướng dẫn tuyển sinh được nhà trường liên tục cập nhật sớm và chính xác tại website: www.hunre.edu.vn ; www.tuyensinh.hunre.edu.vn.

**6.1. Nguyên tắc đăng ký xét tuyển**

***a) Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo***

- Thí sinh thuộc diện được xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định trong Đề án tuyển sinh phải thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo sau đó nộp hồ sơ ĐKXT tại Trường theo quy định.

- Hồ sơ ĐKXT thẳng, ưu tiên xét tuyển bao gồm:

+ 01 phiếu đăng ký xét tuyển thẳng hoặc phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển đầy đủ các thông tin xét tuyển theo quy định của BGG&ĐT và có chữ ký của thí sinh;
+ 01 phong bì ghi rõ họ tên người nhận, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh và phụ huynh để nhà trường gửi giấy báo kết quả thí sinh trúng tuyển;
+ 01 bộ hồ sơ công chứng giấy tờ chứng minh diện xét tuyển như sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế hoặc các loại giấy tờ chứng nhận thuộc các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác theo đúng quy định;
+ 01 bản sao có công chứng học bạ THPT hoặc bản xác nhận kết quả, quá trình học tập có đủ thông tin để ĐKXT và dấu xác nhận của trường THPT theo học;
+ 01 bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2022 trở về trước) hoặc giấy Chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023);
+ 01 bản sao Căn cước công dân;

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ ĐKXT: Trước 17h00 ngày 30/6/2023.
- Thời gian công bố thí sinh đạt điều kiện trúng tuyển: Trước 17h00 ngày 05/7/2023.
- Thời gian xác nhận nhập học: Từ ngày 05/7/2023 đến 17h00 ngày 15/8/2023.

***b) Phương thức 2: Xét tuyển đặc cách theo quy định của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội áp dụng đối với các thí sinh sau:***

- Thí sinh học ba năm và tốt nghiệp THPT tại các Trường THPT chuyên.
- Thí sinh tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ Tiếng Anh TOEFL IBT 64/120 điểm hoặc IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương do cơ quan quốc tế có thẩm quyền cấp còn thời hạn hiệu lực sử dụng tính đến thời điểm nộp hồ sơ ĐKXT.
- Thí sinh tốt nghiệp THPT và đạt học lực giỏi cả 3 năm THPT: Lớp 10, lớp 11, lớp 12.

- Thí sinh được xét trúng tuyển đặc cách khi đạt đủ điều kiện ĐKXT và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (theo điểm thi hoặc điểm Học tập THPT). Trường hợp số thí

sinh dự kiến trúng tuyển vượt chỉ tiêu, Nhà trường xét từ cao xuống thấp theo điểm kết quả học tập môn Toán năm lớp 12 trong Học bạ THPT.

- Sau khi đăng ký nguyện vọng xét tuyển qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh ĐKXT Đặc cách phải khai báo thông tin tại cổng thông tin tuyển sinh của Trường gồm các thông tin sau:

+ Khai báo đầy đủ các thông tin cá nhân, thông tin xét tuyển của thí sinh;
+ (Thí sinh nhập thông tin, minh chứng theo hướng dẫn tại: tuyensinh.hunre.edu.vn)
+ Ảnh chụp toàn bộ Học bạ THPT hoặc bản xác nhận kết quả, quá trình học tập có đủ thông tin để ĐKXT và dấu xác nhận của trường THPT theo học;
+ Ảnh chụp bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2022 trở về trước) hoặc giấy Chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023);
+ Ảnh chụp chứng chỉ tiếng Anh hoặc xác nhận chứng chỉ của đơn vị cấp chứng chỉ còn giá trị hiệu lực đến thời điểm ĐKXT (đối với thí sinh xét tuyển đặc cách theo chứng chỉ tiếng Anh);
+ Ảnh chụp Căn cước công dân;

- Thời gian thí sinh ĐKXT nguyện vọng đợt 1 trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Từ ngày 10/7/2023 đến 17h00 ngày 30/7/2023.

- Thời gian tiếp nhận thông tin thí sinh đợt 1 trên Hệ thống tuyển sinh của Trường: Trước 17h00 ngày 01/8/2023.

- Thời gian nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Từ ngày 31/7/2023 đến 17h00 ngày 06/8/2023.

- Thời gian công bố thí sinh trúng tuyển đợt 1: Trước 17h00 ngày 22/8/2023.

- Thời gian xác nhận nhập học đợt 1 trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trước 17h00 ngày 06/9/2023.

***c) Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023***

Thí sinh thực hiện ĐKXT qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hình thức, thời gian tổ chức tuyển sinh, nhập học theo quy định và lịch tổ chức công tác tuyển sinh Đại học chính quy năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

***d) Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ) sử dụng kết quả học tập lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12.***

- Thí sinh được xét tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp. Trường hợp cuối danh sách nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn. Nếu số trúng tuyển dự kiến vẫn còn vượt chỉ tiêu thì sẽ lấy từ cao xuống thấp theo điểm môn chính trong tổ hợp môn xét tuyển có điểm cao nhất.

- Thí sinh kiểm tra thông tin xét tuyển (thông tin cá nhân, điểm, diện ưu tiên..) và đăng ký nguyện vọng xét tuyển qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi đăng ký nguyện vọng xét tuyển qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo phải thực hiện khai báo thông tin tại cổng thông tin tuyển sinh của Trường gồm các thông tin sau:

+ Khai báo đầy đủ các thông tin cá nhân, thông tin xét tuyển của thí sinh;
*(Thí sinh nhập thông tin, minh chứng theo hướng dẫn tại: tuyensinh.hunre.edu.vn)*

+ Ảnh chụp Học bạ THPT hoặc bản xác nhận kết quả, quá trình học tập có đủ thông tin để ĐKXT và dấu xác nhận của trường THPT theo học;
+ Ảnh chụp bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2022 trở về trước) hoặc giấy Chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023);
+ Ảnh chụp Căn cước công dân;

- Thời gian thí sinh ĐKXT nguyện vọng đợt 1 trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Từ ngày 10/7/2023 đến 17h00 ngày 30/7/2023.

- Thời gian tiếp nhận thông tin thí sinh đợt 1 trên Hệ thống tuyển sinh của Trường: Trước 17h00 ngày 01/8/2023.

- Thời gian nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Từ ngày 31/7/2023 đến 17h00 ngày 06/8/2023.

- Thời gian công bố thí sinh trúng tuyển đợt 1: Trước 17h00 ngày 22/8/2023.

- Thời gian xác nhận nhập học đợt 1 trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trước 17h00 ngày 06/9/2023.

- Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả Học bạ THPT: Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30 là tổng điểm trung bình cộng điểm các môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển theo kết quả học tập THPT *(điểm TB cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12)* cộng với điểm ưu tiên theo khu vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên tuyển sinh (*nếu có*). Công thức tính điểm xét tuyển như sau:

**ĐXT = ĐTB xét tuyển Môn 1 + ĐTB xét tuyển Môn 2 + ĐTB xét tuyển Môn 3 + ĐƯT**

***Trong đó:***

- ĐTB xét tuyển Môn 1/2/3 = (ĐTB môn cả năm lớp 11 + ĐTB môn kỳ 1 lớp 12)/2;
- ĐƯT = Điểm KVƯT + Điểm ĐTƯT (nếu có)

*Ví dụ: Thí sinh B thuộc KV2-NT, không thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh. Đăng ký xét tuyển: Công nghệ kỹ thuật môi trường - khối A00 (Toán, Vật lý, Hóa học).*

**ĐXT thí sinh B = ĐTB Toán + ĐTB Hóa + ĐTB Vật lý + Điểm KVƯT**

| Môn | ĐTB cả năm lớp 11 (1) | ĐTB kỳ 1 lớp 12 (2) | ĐTB xét tuyển theo môn (3) | Điểm khu vực (4) | Điểm đối tượng ƯT (5) |
|---|---|---|---|---|---|
| **Toán** | 7.8 | 7.9 | **(1)+(2) /2 = 7.85** | **0.5** | **0** |
| **Vật Lý** | 7,0 | 7.4 | **(1)+(2) /2 = 7.2** | | |
| **Hóa học** | 8.0 | 7.9 | **(1)+(2) /2 = 7.95** | | |
| **Điểm xét tuyển = [**Toán **(3)** + Lý **(3)** + Hóa **(3) ] + (4) + (5)= 23.5**<br>*(Hoặc thí sinh có thể tính nhanh theo công thức: Cộng tất cả 06 đầu điểm ở cột (1) và (2) sau đó chia cho 2 và cộng với điểm ưu tiên ở cột (4) và cột (5) như sau:*<br>**ĐXT thí sinh B = (7.8 + 7.9 + 7.0 + 7.4 + 8.0 + 7.9)/2 + 0.5 = 23.5** | | | | | |

***e) Phương thức 5: Xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2023***

- Thí sinh được xét tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp (điểm xét tuyển là điểm thi Đánh giá năng lực không tính điểm ưu tiên). Trường hợp số thí sinh dự kiến trúng tuyển vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

- Sau khi đăng ký nguyện vọng xét tuyển qua Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh ĐKXT theo kết quả thi Đánh giá năng lực phải khai báo thông tin tại cổng thông tin tuyển sinh của Trường gồm các thông tin sau:

+ Khai báo đầy đủ các thông tin cá nhân, thông tin xét tuyển của thí sinh;
+ (Thí sinh nhập thông tin, minh chứng theo hướng dẫn tại: tuyensinh.hunre.edu.vn)
+ Ảnh chụp Giấy chứng nhận kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2023;
+ Ảnh chụp bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2022 trở về trước) hoặc giấy Chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023);
+ Ảnh chụp Căn cước công dân;

- Thời gian thí sinh ĐKXT nguyện vọng đợt 1 trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Từ ngày 10/7/2023 đến 17h00 ngày 30/7/2023.

- Thời gian tiếp nhận thông tin thí sinh đợt 1 trên Hệ thống tuyển sinh của Trường: Trước 17h00 ngày 01/8/2023.

- Thời gian nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Từ ngày 31/7/2023 đến 17h00 ngày 06/8/2023.

- Thời gian công bố thí sinh trúng tuyển đợt 1: Trước 17h00 ngày 22/8/2023.

- Thời gian xác nhận nhập học đợt 1 trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trước 17h00 ngày 06/9/2023.

**6.2. Hình thức ĐKXT** *(đối với các phương thức nộp hồ sơ ĐKXT tại Trường)*

**a) Đối với phương thức Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT tại địa chỉ:**

- Trụ sở chính: Số 41A, đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Hoặc tại Phân hiệu Thanh Hóa: Số 04, đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Thí sinh có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện. Thí sinh gửi bưu điện hoàn thiện hồ sơ ĐKXT và gửi theo hình thức chuyển phát nhanh hoặc chuyển phát bưu phẩm bảo đảm gửi về một trong các địa chỉ trên. Bên ngoài bao bì ghi rõ Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển Đại học chính quy năm 2023 và đầy đủ thông tin liên lạc của cá nhân.

**b) Đối với các phương thức xét tuyển khác thí sinh khai báo thông tin trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh của Trường như sau:**

- Thí sinh nhập đầy đủ thông tin ĐKXT, gửi dữ liệu ảnh chụp minh chứng hồ sơ xét tuyển theo hướng dẫn chi tiết cho từng phương thức tại cổng thông tin tuyển sinh có địa chỉ website: http://tuyensinh.hunre.edu.vn.

- Sau khi được công nhận trúng tuyển và làm thủ tục xác nhận nhập học, thí sinh nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ ĐKXT theo quy định để đối chiếu. Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin ĐKXT trong hồ sơ so với các thông tin đã đăng ký xét tuyển, nhà trường sẽ từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKXT với hồ sơ gốc (nếu có). Nhà trường sẽ có hướng dẫn, quy định cụ thể trong các thông báo nhập học năm 2023.

**7. Quy định về khu vực, đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh**

Theo quy định hiện hành về khu vực, đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**8. Lệ phí ĐKXT**

Thí sinh thực theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc nộp lệ phí nguyện vọng ĐKXT qua hệ thống phần mềm tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**9. Tư vấn thông tin tuyển sinh**

Đường dây nóng tiếp nhận thông tin, tư vấn tuyển sinh của Trường: 0902130130 (*Trụ sở chính*); 0944868682 (*Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa*).

Thông tin tuyển sinh và tư vấn tuyển sinh, thí sinh xem chi tiết tại các website: *hunre.edu.vn*; *tuyensinh.hunre.edu.vn*; *phanhieu.hunre.edu.vn;* trang Facebook chính thức: *facebook.com/FanpageHunre.*

***Nơi nhận:***
- Vụ GDĐH-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Ban giám hiệu (để biết);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Phân hiệu tại tỉnh Thanh Hóa;
- Website trường;
- Lưu VT, ĐT.ĐH. (3)

**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

**Hoàng Anh Huy**

# PHỤ LỤC 01: HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ NGUYỆN VỌNG XÉT TUYỂN TRÊN HỆ THỐNG HỖ TRỢ TUYỂN SINH CHUNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thí sinh sử dụng tài khoản và mật khẩu được cấp để đăng nhập vào hệ thống tại địa chỉ: http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn

## 1.1. Xem kết quả Học bạ THPT và báo sai sót

Bước 1: Thí sinh đăng nhập vào hệ thống => Nhấn Tra cứu => Nhấn Học bạ THPT

Bước 2: Thí sinh thực hiện xem điểm học bạ, Nhấn vào lớp chọn Lớp 10, Lớp 11, Lớp 12 để xem học bạ các năm học.

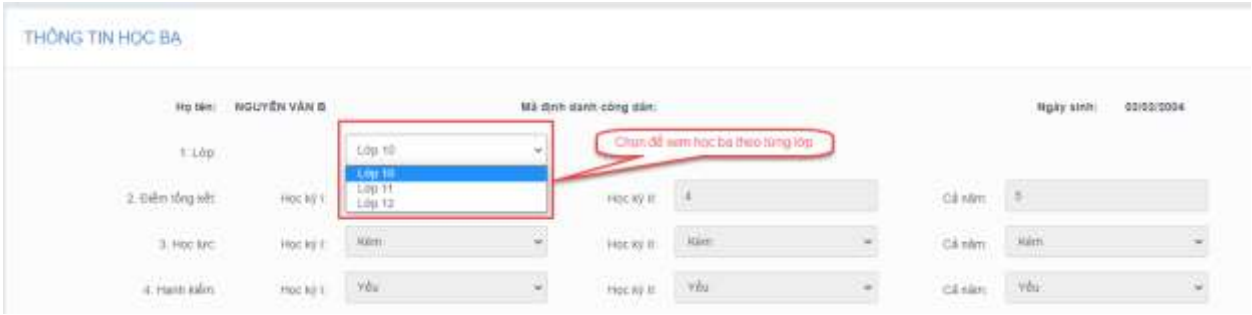


Bước 3: Sau khi xem điểm học bạ nếu thí sinh thấy có sai sót thì nhấn Báo sai sót (Lưu ý: Nút báo sai sót sử dụng để báo sai sót cho chả 3 năm học. Nếu thí sinh thấy có sai sót cả 3 năm học thì thực hiện báo sai sót cùng 1 lần)

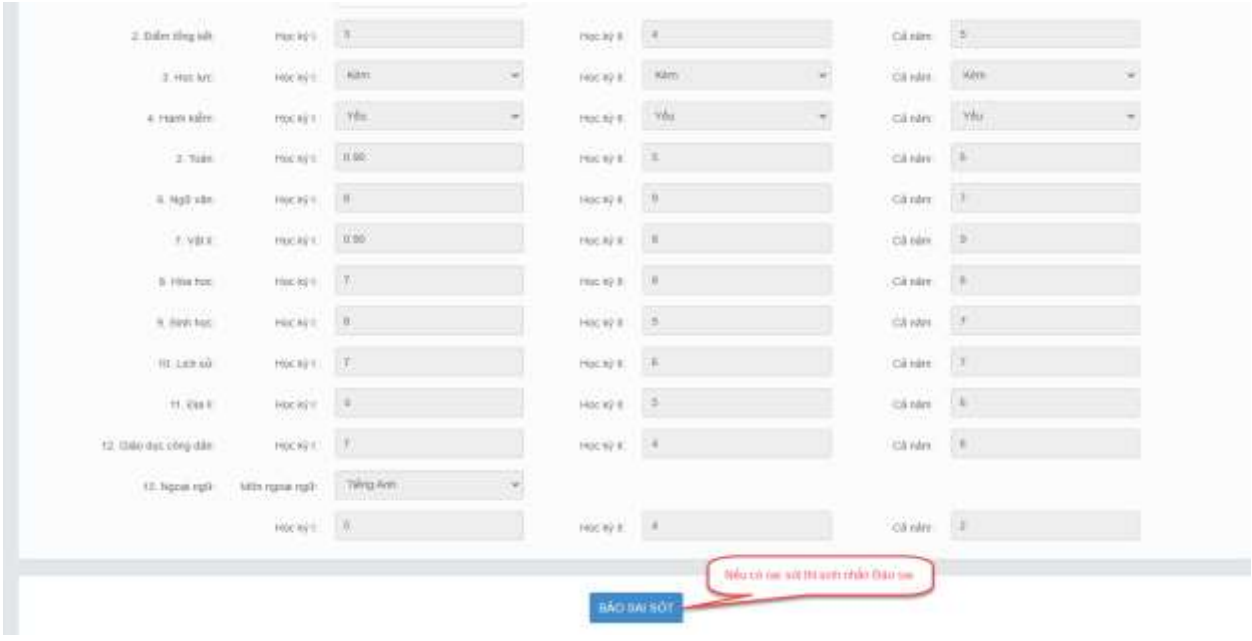

Bước 4: Sau khi nhấn Báo sai sót sẽ hiển thị màn hình để thí sinh nhập thông tin sai sót. Thí sinh nhập ví dụ: Sai thông tin Học lực học kì 1, Sai thông tinh điểm môn Toán học kì 1 lớp 12, môn Văn cuối năm lớp 11. Sau đó nhấn Gửi phản ánh

**1.2. Danh sách nguyên vọng đủ điều kiện trúng tuyển**

Bước 1: Thí sinh chọn chức năng Danh sách nguyện vọng xét tuyển sớm từ menu Tra cứu thông tin:

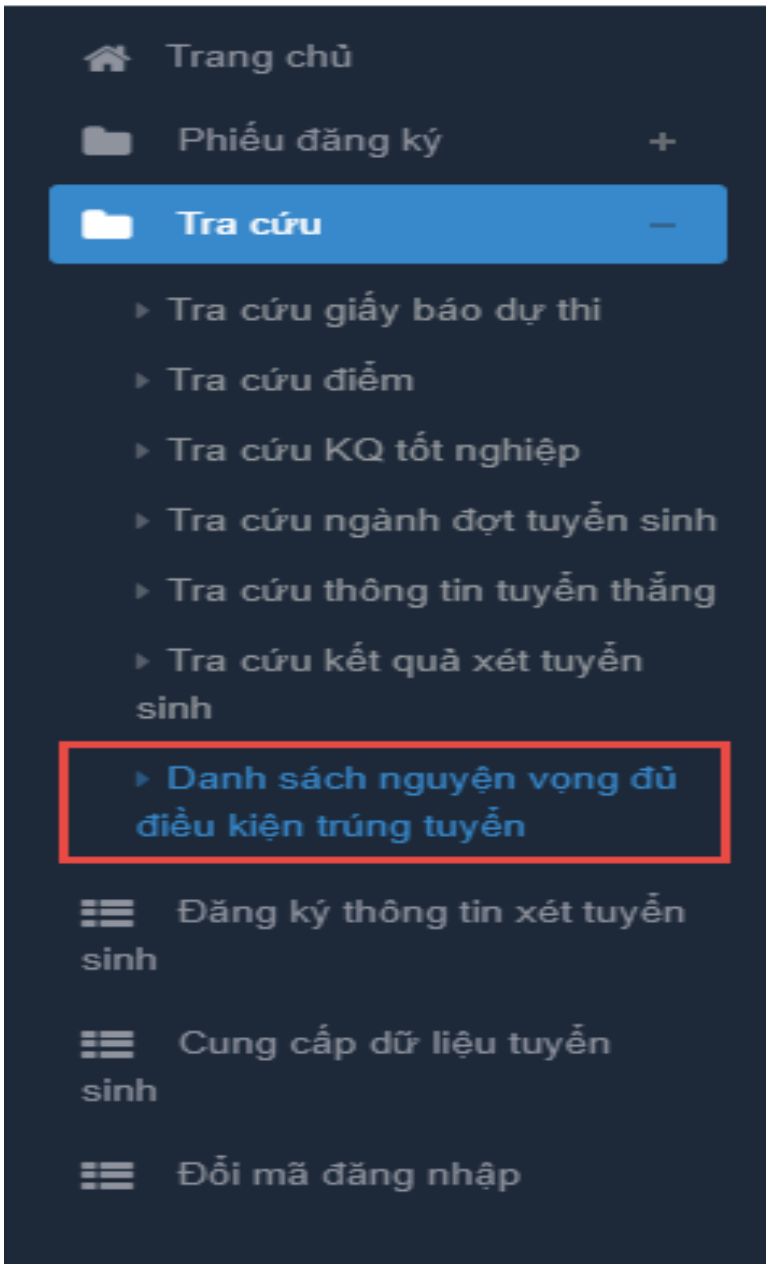

Bước 2: Xem danh sách các nguyện vọng xét tuyển sớm. Thí sinh có thể tìm kiếm theo Mã trường, Mã ngành bằng cách nhập các thông tin vào và nhấn tìm kiếm

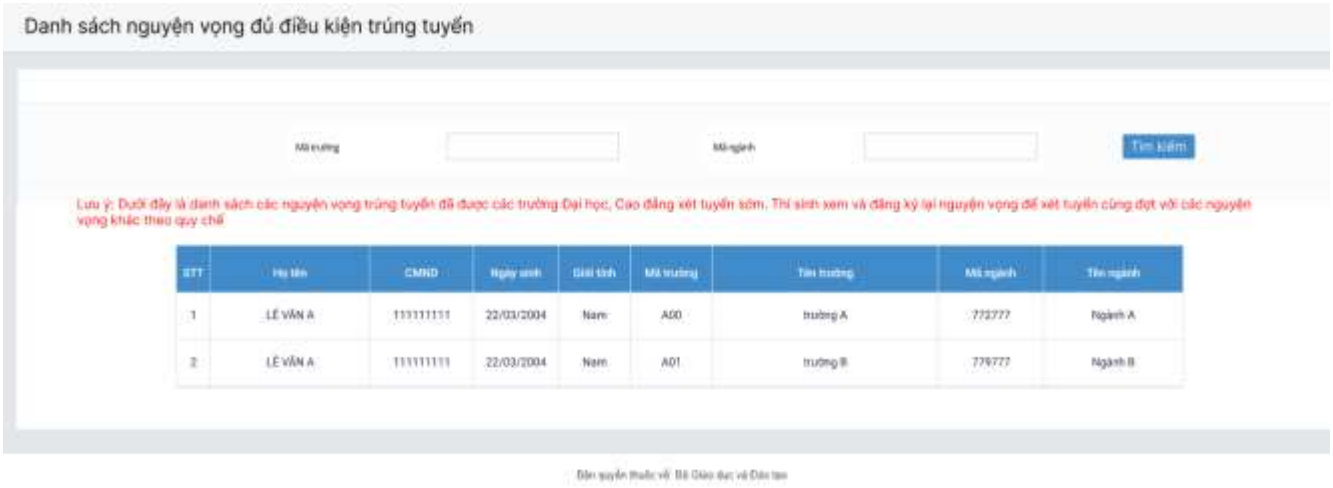


## 1.3. Cung cấp dữ liệu tuyển sinh

Bước 1: Thí sinh đăng nhập vào hệ thống => Nhấn Cung cấp dữ liệu tuyển sinh

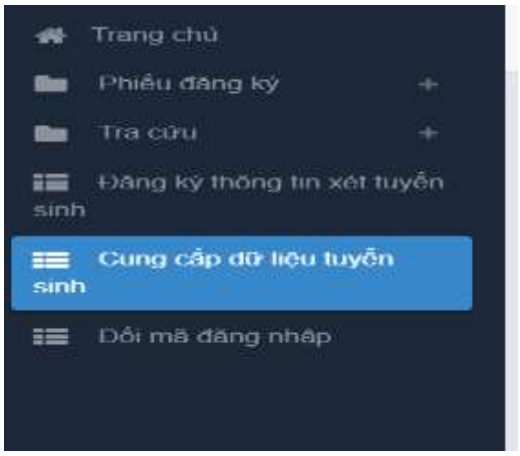


Bước 2: Thí sinh xem thông tin các nguồn cung cấp dữ liệu tuyển sinh.

- Điểm thi THPT
- Học bạ
- Điểm ĐGNL
- Dữ liệu xét tuyển khác

Hệ thống sẽ mặc định tích chọn nguồn điểm thi THPT, học và và điểm ĐGNL (nếu có) cho thí sinh, thí sinh có thể bỏ tích chọn. Thí sinh tự chọn dữ liệu xét tuyển khác

## 1.4. Cung cấp dữ liệu tuyển sinh

### 1.4.1 Thêm nguyện vọng

Bước 1: Chọn chức năng Đăng ký thông tin xét tuyển sinh

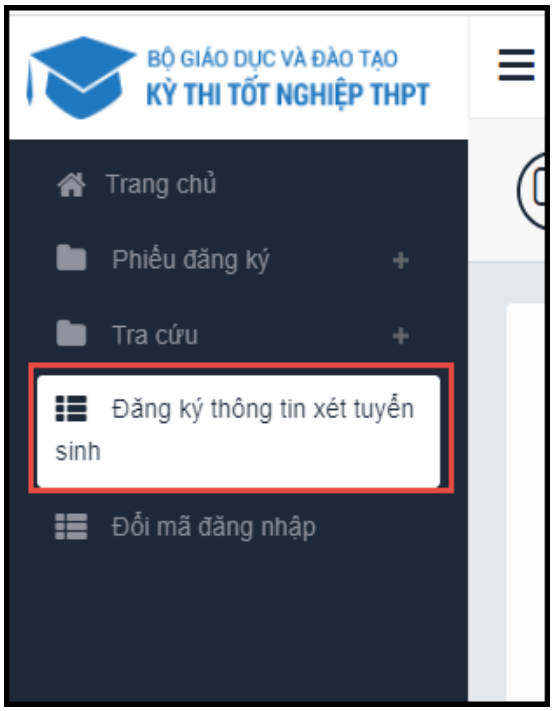


Bước 2: Trên màn hình **1. Danh sách nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển,** thí sinh chọn nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển (nếu có) rồi nhấn nút **Tiếp theo**

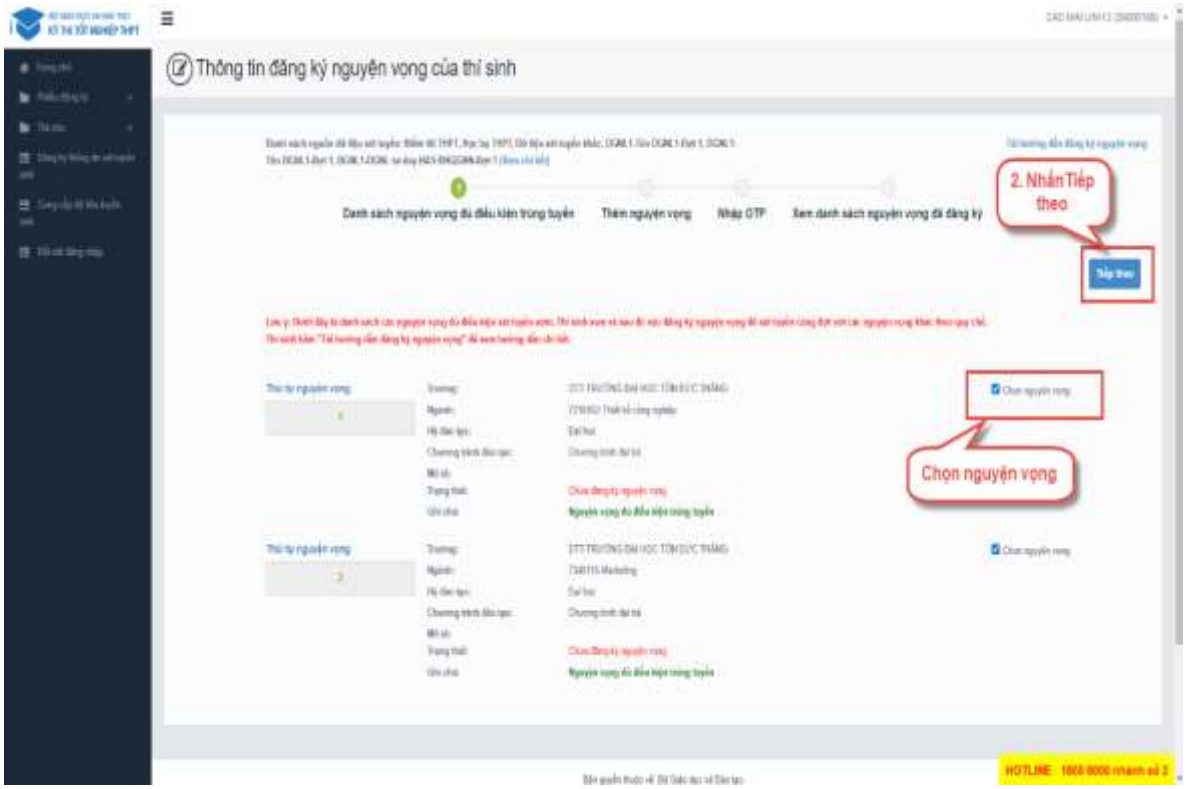

Bước 3: Trên màn hình **2. Thêm nguyện vọng**, có thể xem lại các nguyện vọng đã thêm nhưng chưa lưu

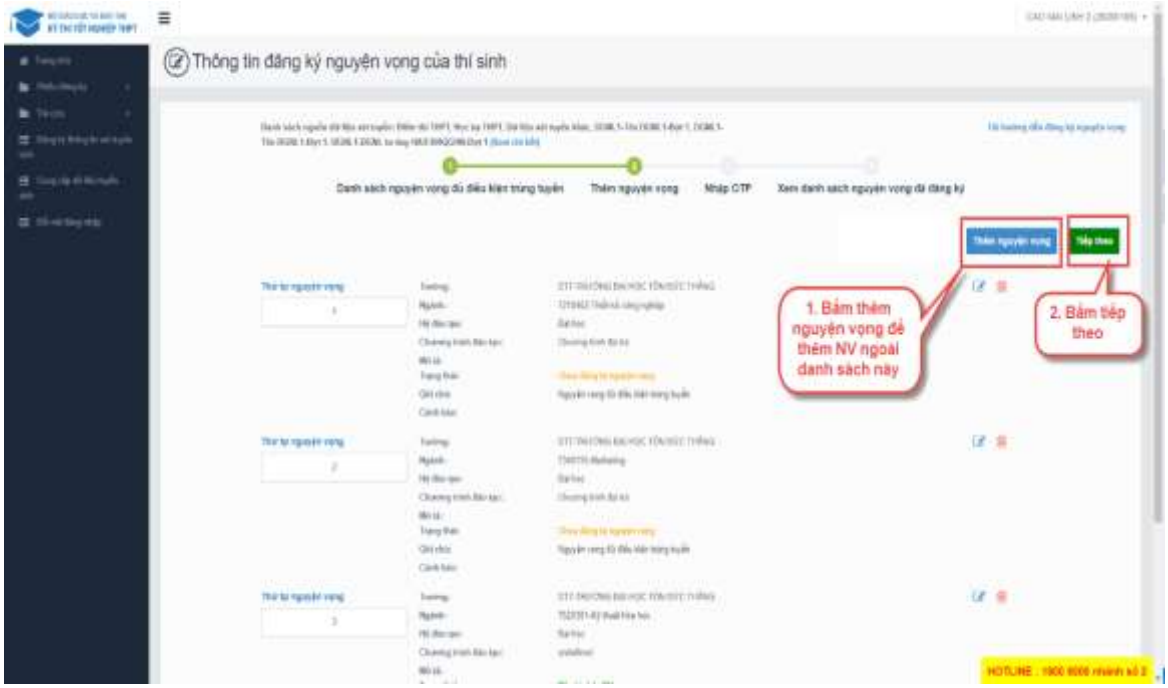


Thí sinh có thể nhấn nút Thêm nguyện vọng để thêm nguyện vọng tại màn hình này

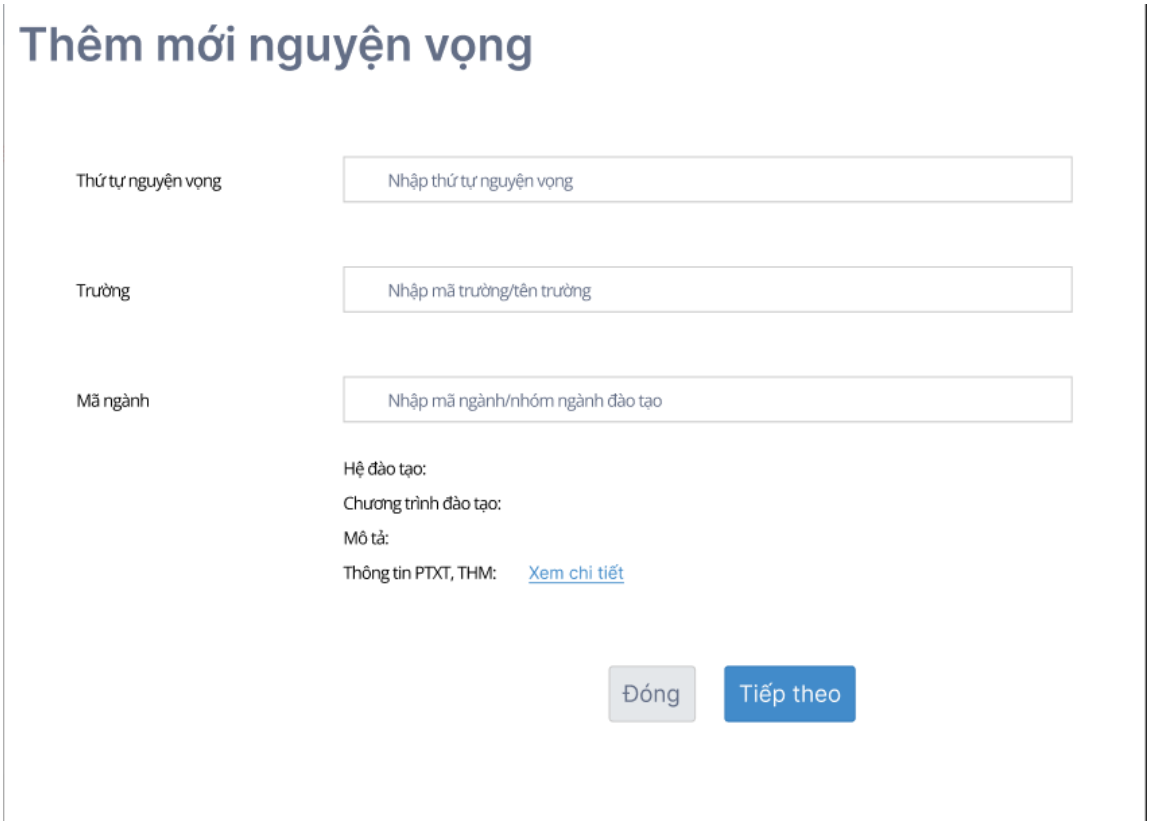

Bước 4: Nhấn nút **Tiếp theo** trên màn hình 2.Thêm nguyện vọng

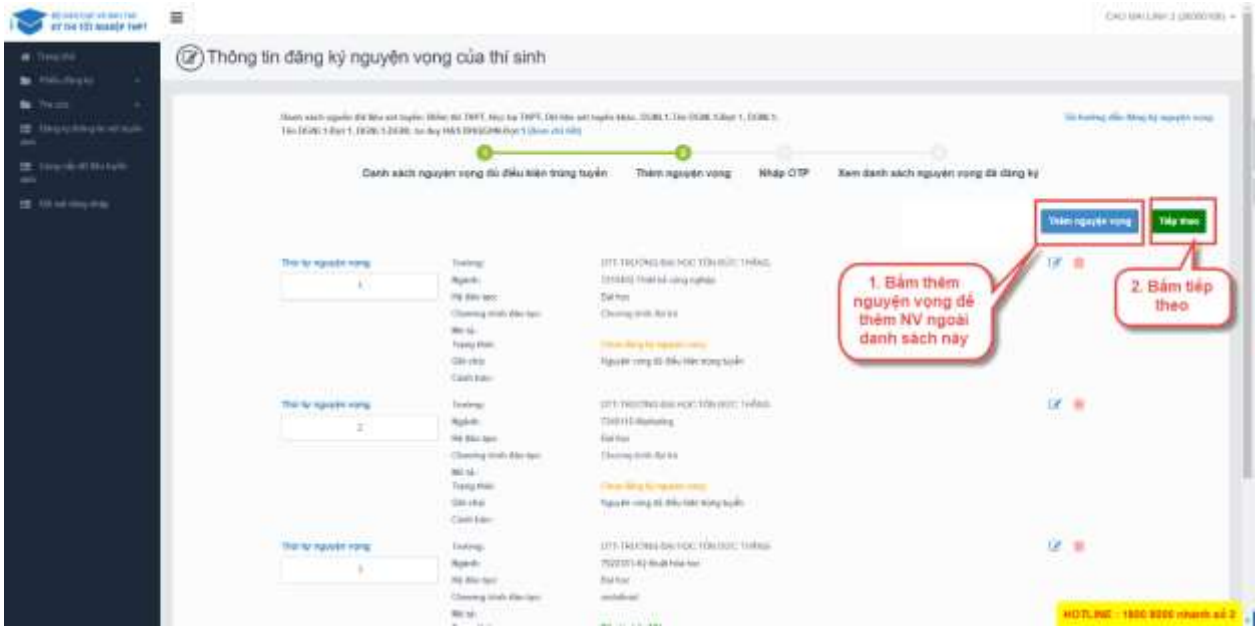


Bước 5: Tại màn hình bước 3: Nhập OTP. Thí sinh soạn tin nhắn lấy mã OTP theo hướng dẫn, sau đó nhập mã xác thực và nhấn nút **Xác nhận đăng ký**

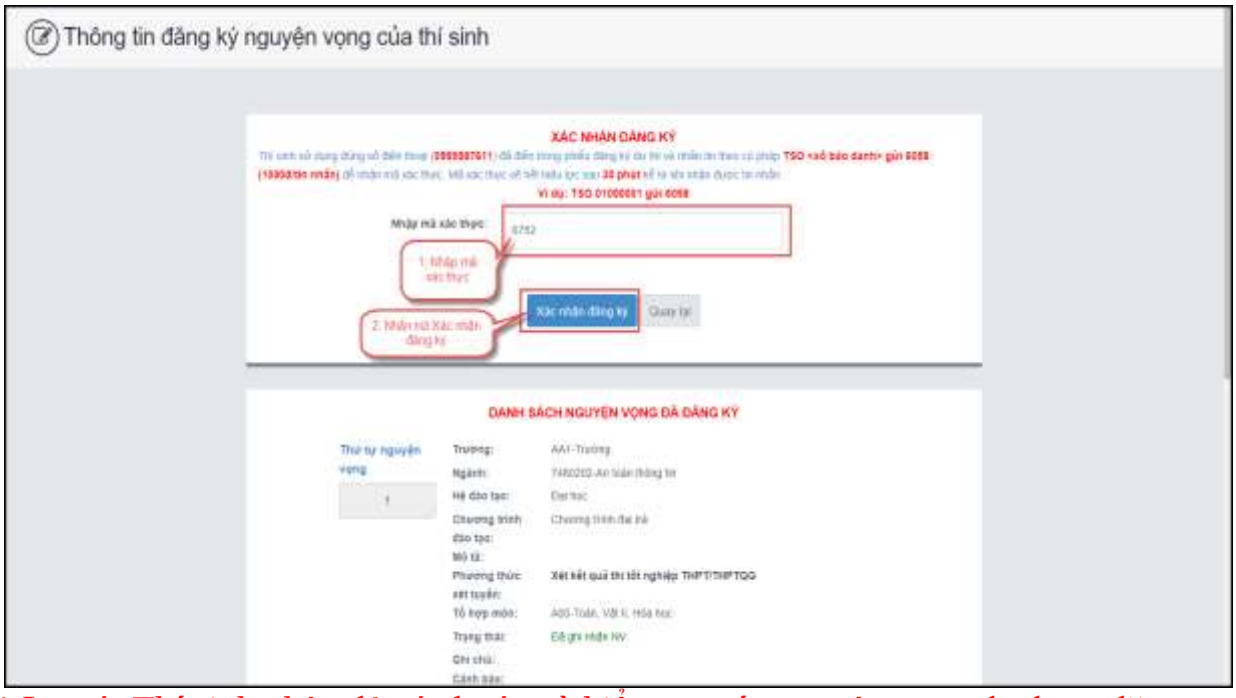


** Lưu ý: Thí sinh nhập đủ các bước và kiểm tra các nguyện vọng đã được đăng ký tại bước 4: Xem nguyện vọng đã đăng ký để kiểm tra lại thông tin đăng ký

### 1.4.2. Sửa nguyện vọng

Bước 1: Tại màn hình 4. Xem danh sách nguyện vọng đã đăng ký để xem lại các nguyện vọng đã được ghi nhận. Thí sinh nhấn sửa để sửa nguyện vọng

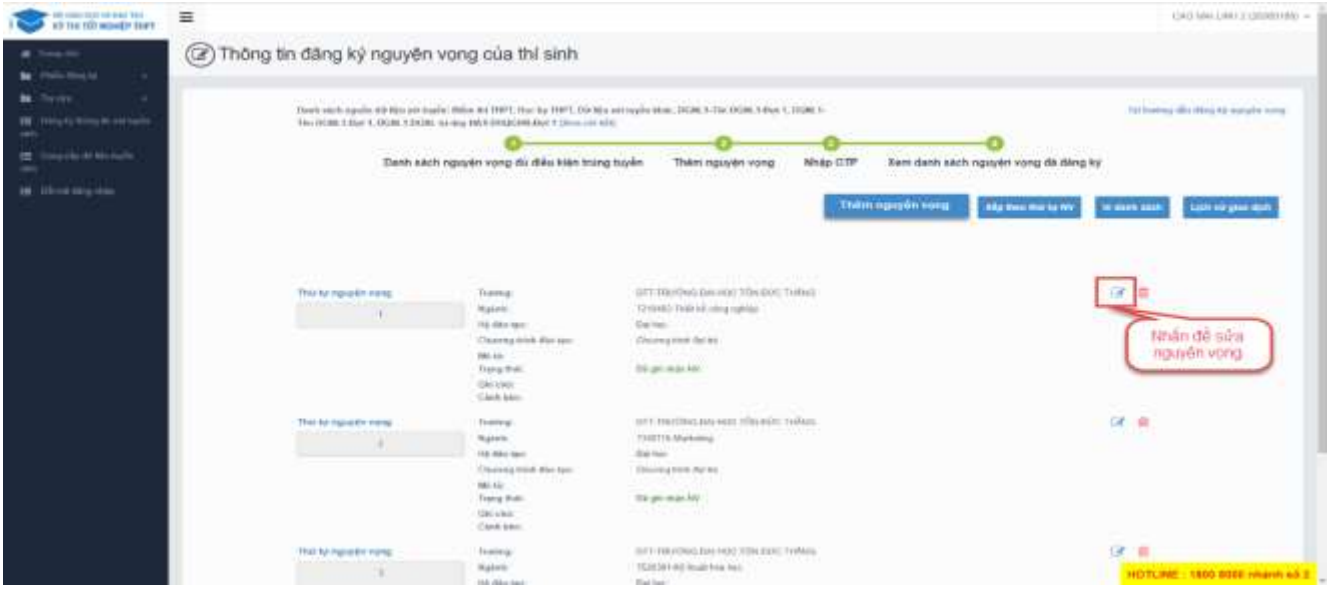


Bước 2: Sau khi sửa thông tin nguyện vọng và nhấn **Tiếp theo** trên màn hình 2.Thêm nguyện vọng

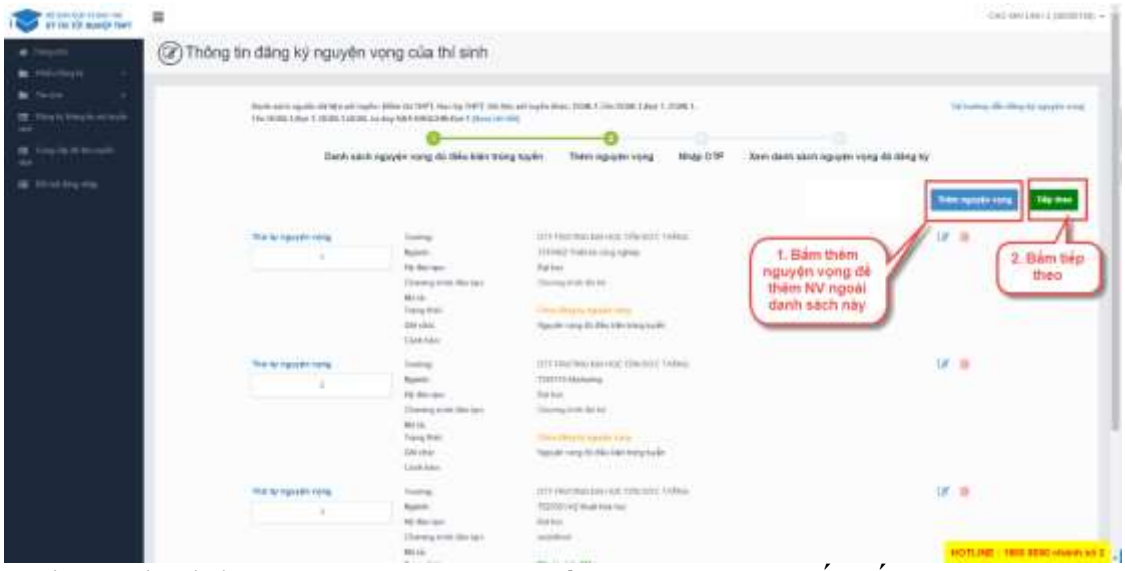


Bước 3: Tại màn hình bước 3: Nhập OTP. Thí sinh soạn tin nhắn lấy mã OTP theo hướng dẫn, sau đó nhập mã xác thực và nhấn nút Xác nhận đăng ký

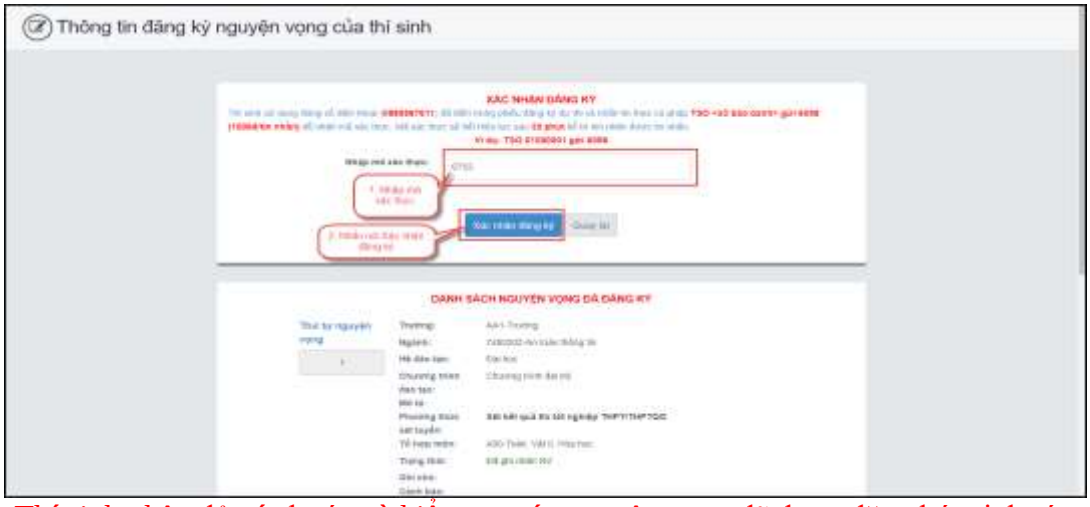


** Lưu ý: Thí sinh nhập đủ các bước và kiểm tra các nguyện vọng đã được đăng ký tại bước 4: Xem nguyện vọng đã đăng ký để kiểm tra lại thông tin đăng ký

### 1.4.3. Xóa nguyện vọng

Bước 1: Tại màn hình 4. Xem danh sách nguyện vọng đã đăng ký để xem lại các nguyện vọng đã được ghi nhận. Thí sinh nhấn sửa để xóa nguyện vọng

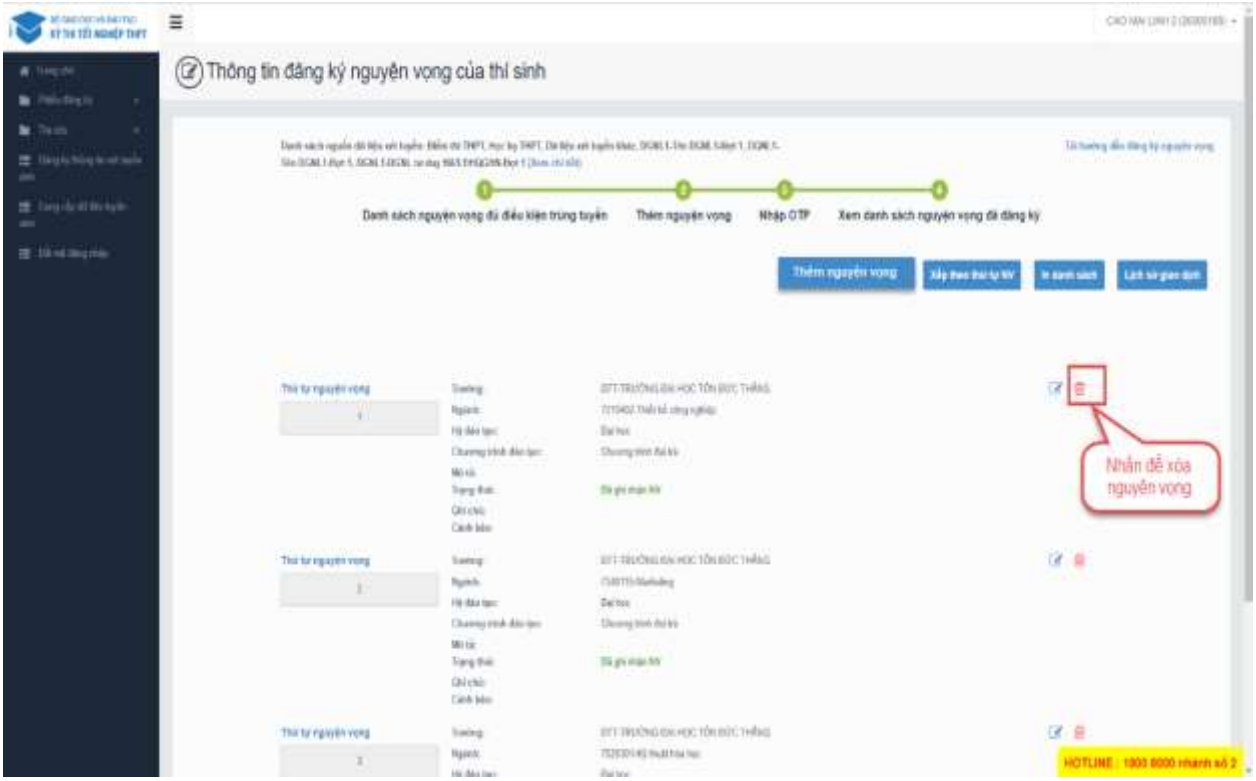


Bước 2: Màn hình thông báo hỏi "Bạn có muốn xóa lựa chọn này?" hiển thị. Nhấn Đồng ý để xóa nguyện vọng

** Lưu ý: Sau khi Xóa nguyện vọng thí sinh cần nhấn Tiếp theo và nhập OTP để lưu thông tin vừa xóa. Thí sinh nhập đủ các bước và kiểm tra các nguyện vọng đã được đăng ký tại  bước 4: Xem nguyện vọng đã đăng ký để kiểm tra lại thông tin đăng ký

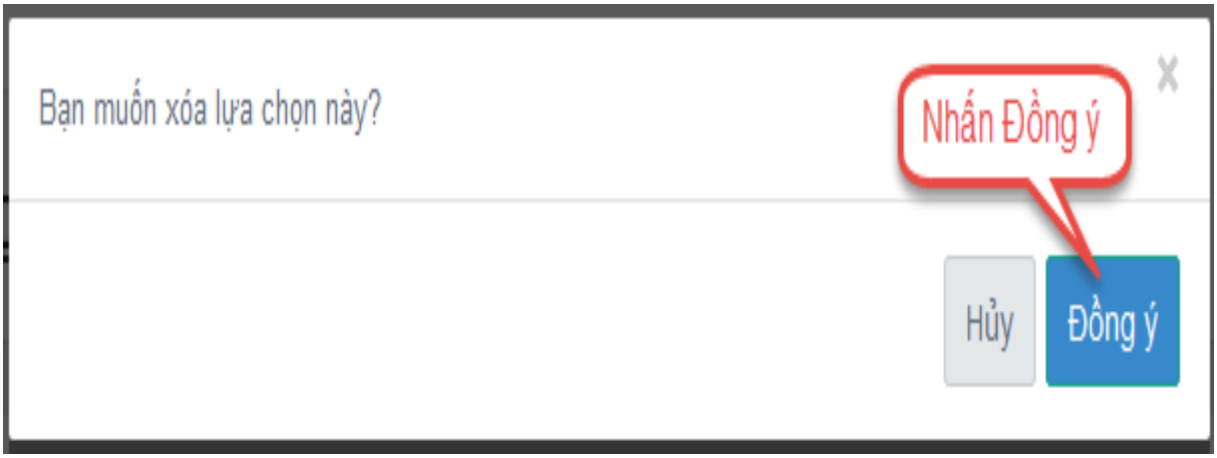

### 1.4.4. Xếp thứ tự nguyện vọng

Bước 1: Nhấn Xếp theo thứ tự NV

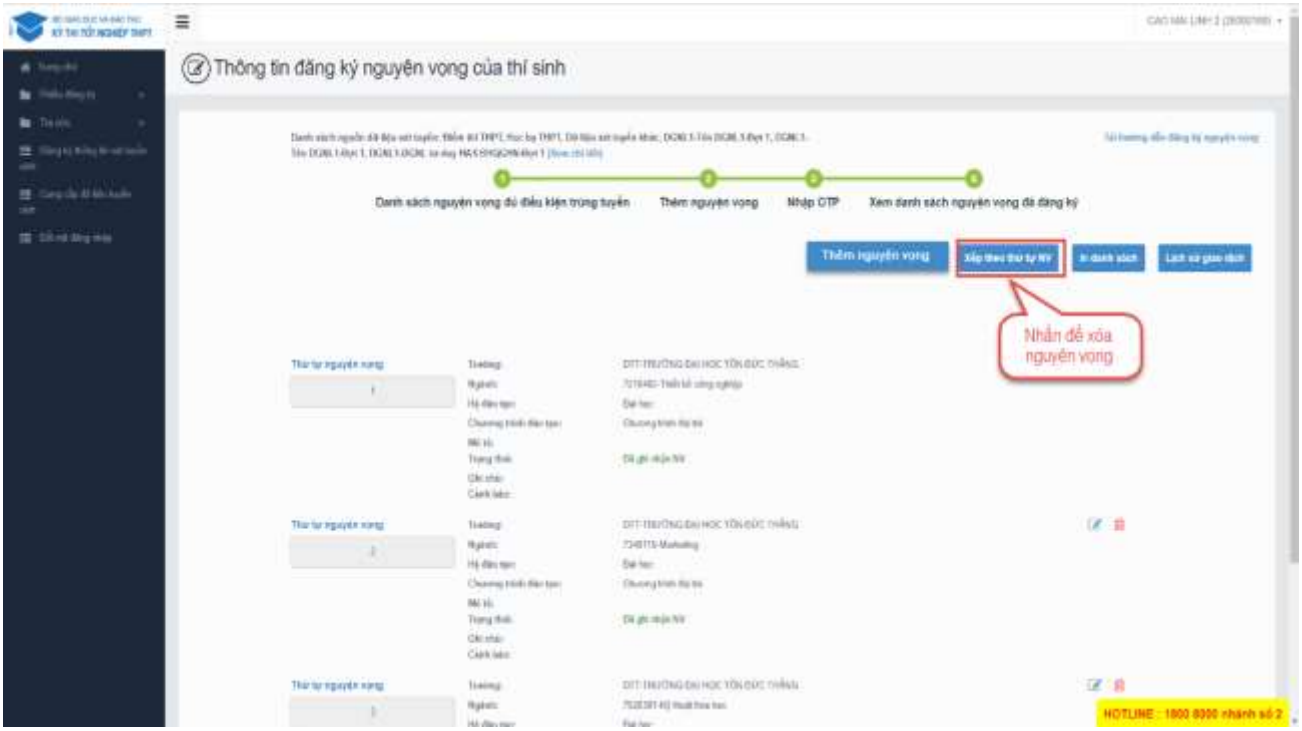


Bước 2: Thí sinh thực hiện sửa thứ tự nguyện vọng mong muốn

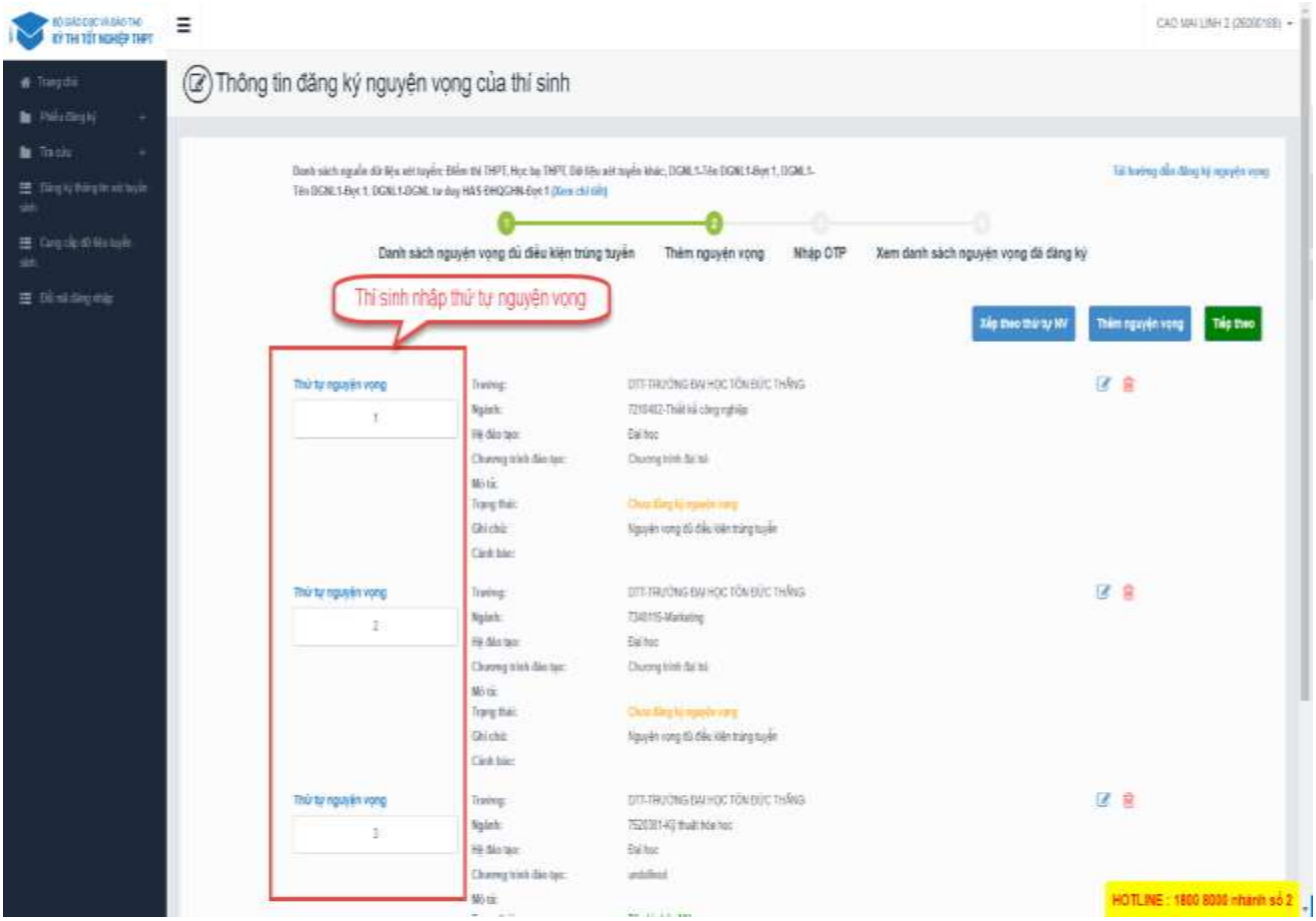

### 1.4.5. Thanh toán

Bước 1: Thí sinh nhấn để thanh toán

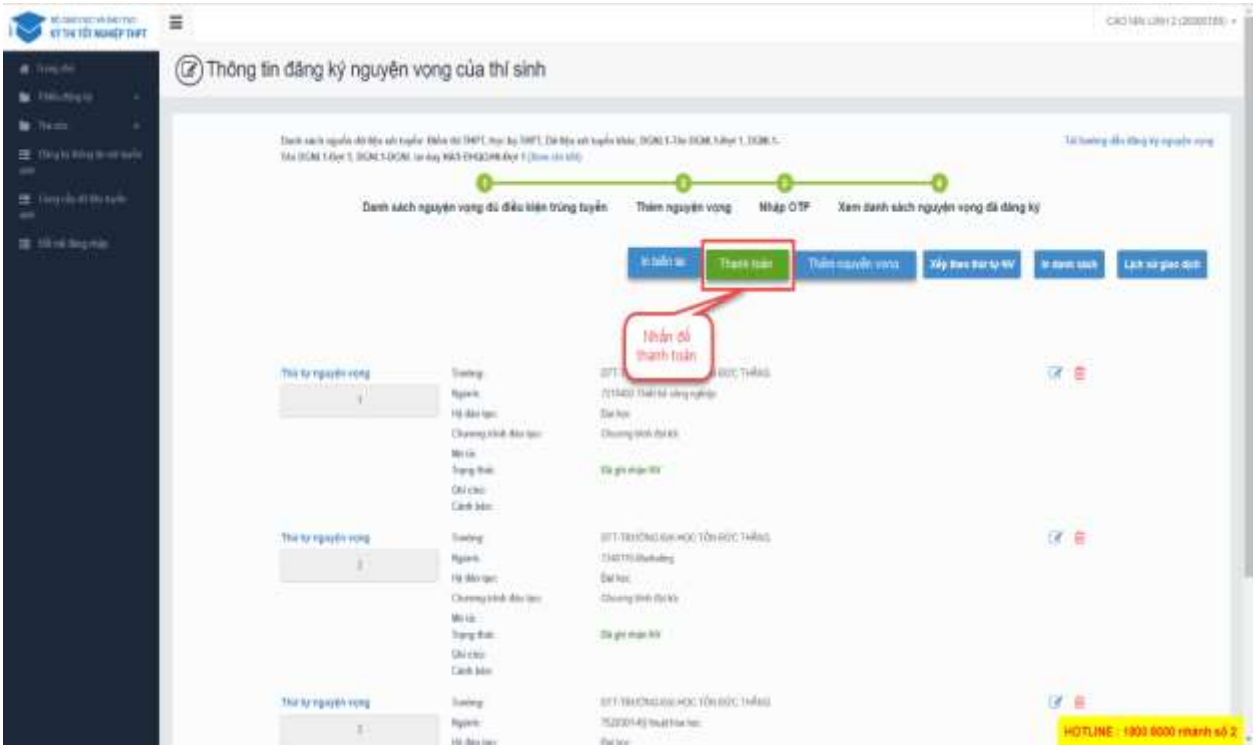


Bước 2: Sau khi thanh toán thành công thí sinh có thể thực hiện In biên lai bằng cách nhấn vào nút In biên lai

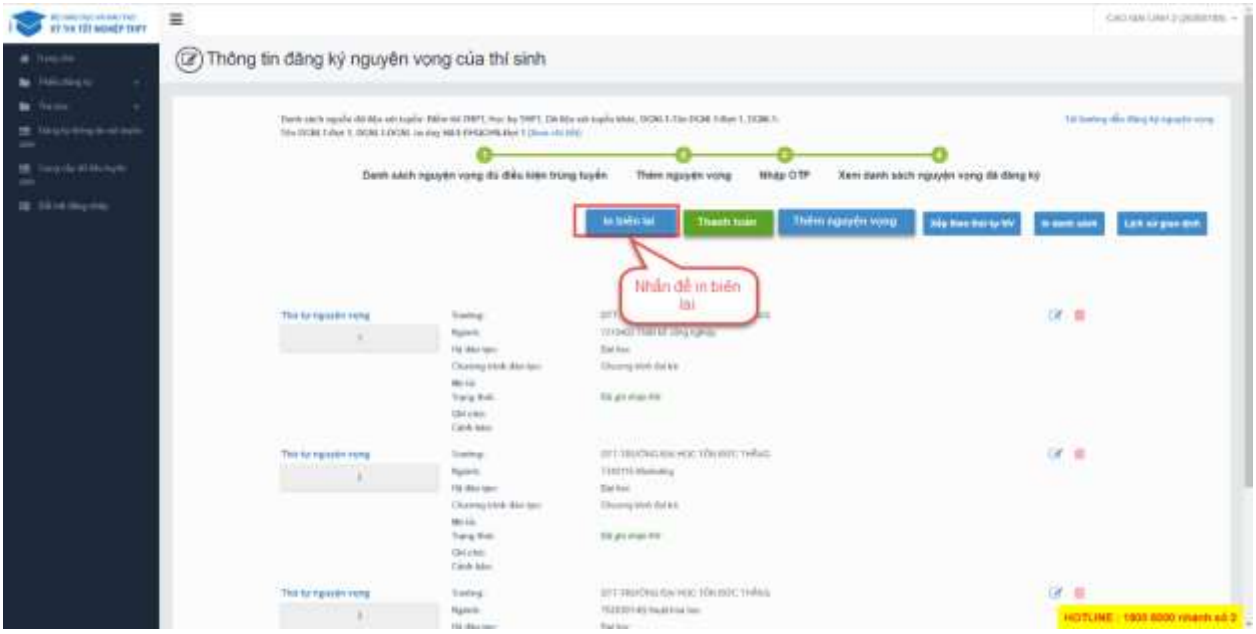

Bước 3: Thí sinh nhấn In danh sách để thực hiện in danh sách các nguyện vọng

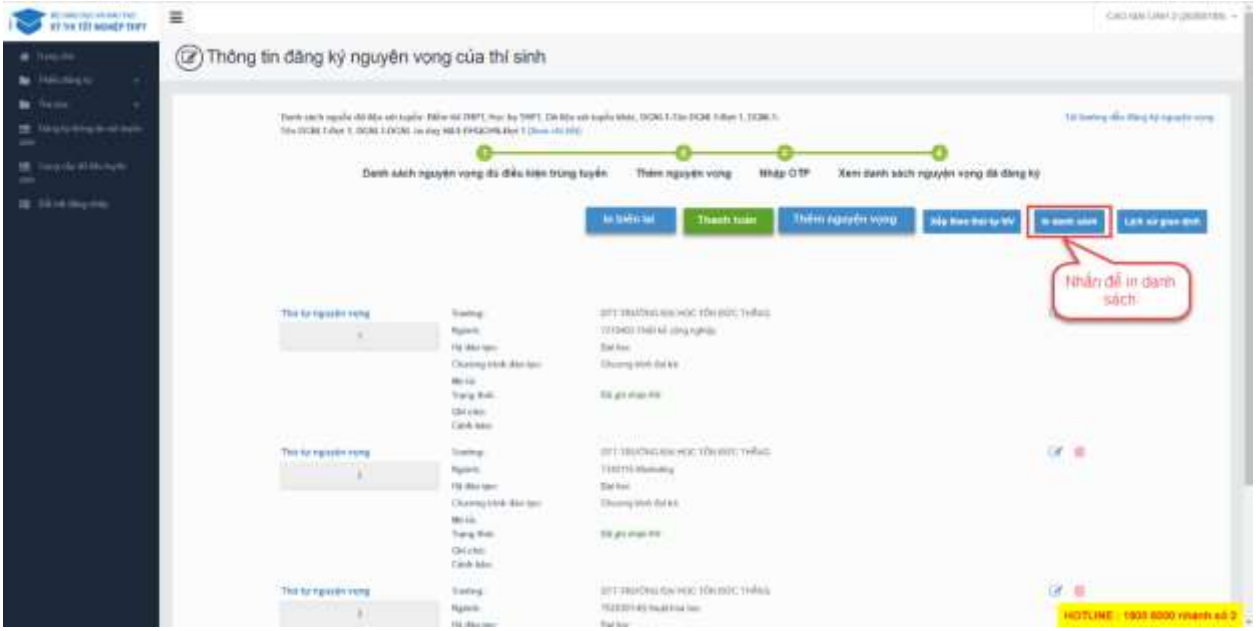


Bước 4: Thí sinh nhấn vào Lịch sử giao dịch để xem giao dịch

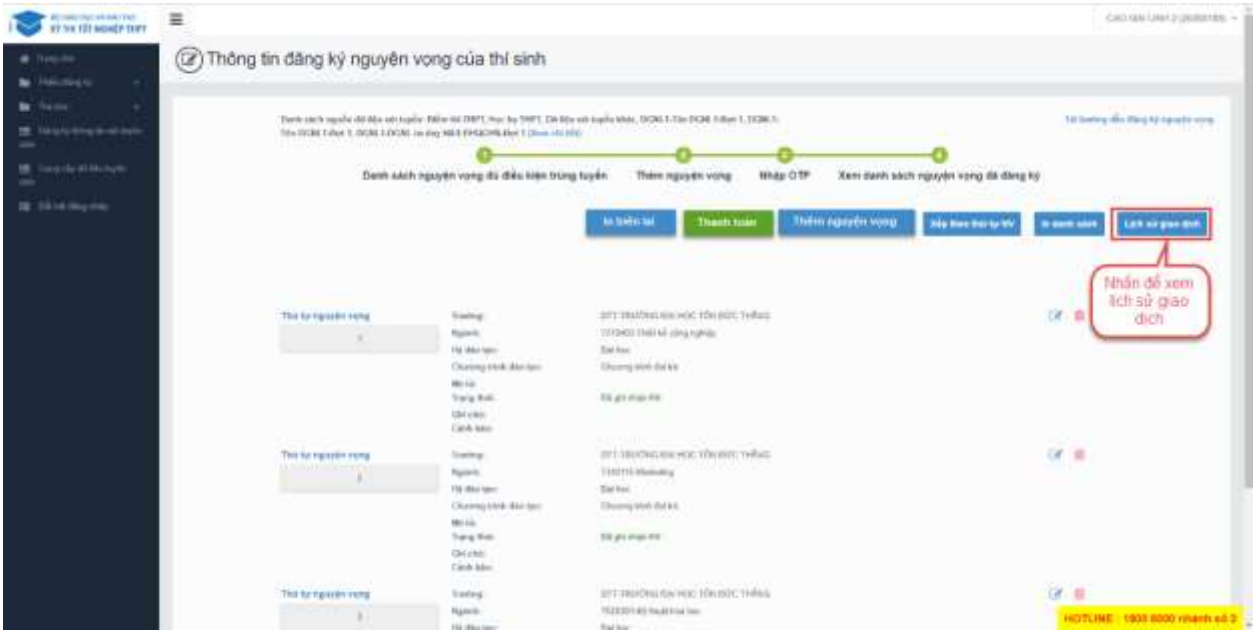

## PHỤ LỤC 02: QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN KHAI BÁO THÔNG TIN ĐKXT TẠI CỔNG TUYỂN SINH CỦA TRƯỜNG SAU KHI ĐÃ ĐKXT QUA HỆ THỐNG CỦA BGD&ĐT

**LƯU Ý BẮT BUỘC: Tất cả thí sinh phải đăng ký xét tuyển trên hệ thống phần mềm Tuyển sinh chung của BGD&ĐT sau đó khai báo trên hệ thống của Trường ĐH TNMT Hà Nội (trùng khớp với các thông tin ĐKXT trên hệ thống của BGD&ĐT) căn cứ theo quy định của từng phương thức để dữ liệu được BGD&ĐT và Nhà trường tích hợp xét tuyển và công nhận trúng tuyển chính thức sau quy trình xét tuyển Đại học chung toàn quốc.**

Nguyên tắc ĐKXT trực tuyến (online) hợp lệ tại cổng thông tin tuyển sinh của Trường (Đợt 1 áp dụng cho các phương thức: Xét tuyển học bạ, xét tuyển Đặc cách theo quy định của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2023):

- Thí sinh nhập đầy đủ thông tin ĐKXT, gửi dữ liệu ảnh chụp minh chứng hồ sơ xét tuyển theo hướng dẫn dưới đây tại cổng thông tin tuyển sinh trực tuyến: www.tuyensinh.hunre.edu.vn.
- Thí sinh theo dõi, kiểm tra hồ sơ và đăng nhập bằng mật khẩu OTP được cấp (nếu quên mật khẩu thí sinh đề nghị cấp lại theo hướng dẫn bên dưới) để tự chỉnh sửa thông tin nếu có sai sót đồng thời chịu trách nhiệm hoàn toàn trước các thông tin xét tuyển đã khai báo, chỉnh sửa.
- Sau khi được công nhận trúng tuyển và làm thủ tục xác nhận nhập học, thí sinh nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ ĐKXT theo quy định để đối chiếu. Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin ĐKXT trong hồ sơ so với các thông tin đã đăng ký trên cổng thông tin xét tuyển trực tuyến, nhà trường sẽ từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKXT với hồ sơ gốc (nếu có).
- Thí sinh thực hiện ĐKXT như sau:

**Bước 01:** Truy cập địa chỉ http**://tuyensinh.hunre.edu.vn/** chọn mục Khai báo xét tuyển theo từng phương thức xét tuyển:

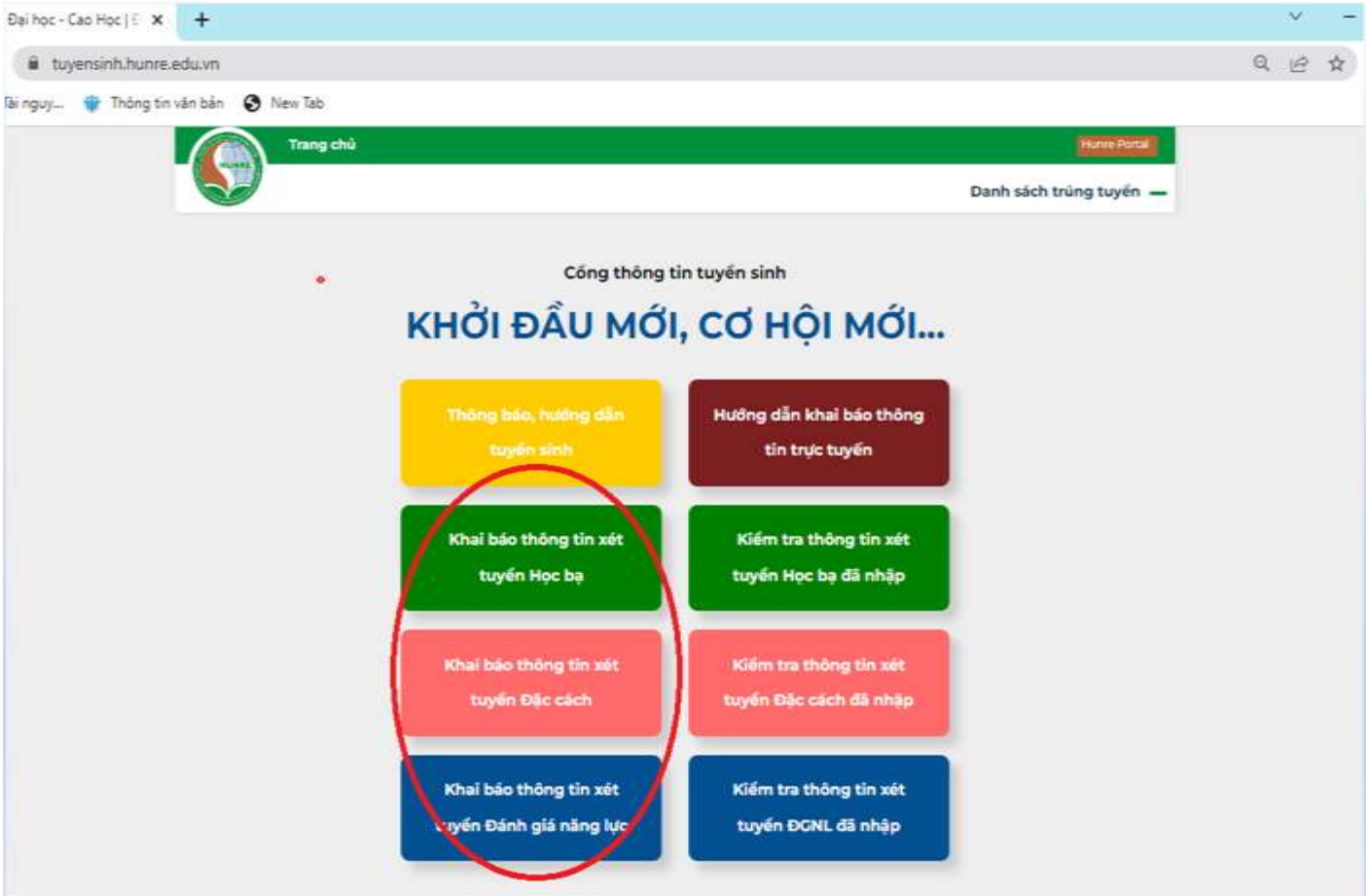

**<u>Bước 02:</u>** Thí sinh thực hiện thao tác đăng ký xét tuyển trên giao diện phiếu đăng ký xét tuyển trực tuyến hiển thị như sau (**Giao diện dưới mang tính chất để minh họa cách ĐKXT, phần phiếu ĐKXT trên cổng tuyển sinh thực tế có thể thay đổi tùy thuộc theo cấu hình website hàng năm):**

Thí sinh thực hiện khai báo đầy đủ, chính xác về toàn bộ các thông tin ĐKXT theo từng ô, cột thông tin trong phiếu ĐKXT trực tuyến, tải ảnh chụp hồ sơ minh chứng theo hướng dẫn

*(Lưu ý: Y/c thí sinh định dạng thông tin ĐKXT chuẩn theo các chú thích trên phiếu ĐKXT trực tuyến, các mục thông tin đã có chức năng chọn dữ liệu theo định dạng có sẵn thí sinh chỉ chọn theo đúng thông tin danh mục chuẩn và không can thiệp thêm ký tự làm sai lệch thông tin).*

## Thông tin cá nhân

Họ và tên *
ĐINH NGỌC HIẾU

Giới tính * | Dân tộc *
Nam | Nùng

Ngày sinh *
30/06/2001

*Thí sinh lưu ý gõ đầy đủ chính xác - Sai sẽ bị huỷ kết quả*

Số CMND/CCCD *
123456789123

Email *
dh@hunre.edu.vn

Điện thoại Phụ huynh * | Điện thoại Thí sinh *
0988430299 | 0977668843

Đối tượng ưu tiên | Điểm ĐTƯT
--Chọn-- | 0

*Lưu ý: chỉ được chọn khi thuộc diện ĐTƯT. Nhấn vào đây để xem hướng dẫn chi tiết*

Địa chỉ thường trú *
Đinh Văn Bình - Nhà 8, Ngách 10, ngõ 120 - phường Phú ...
Thành phố Hà Nội
Quận Bắc Từ Liêm | Phường Phú Diễn

Địa chỉ báo tin *
Đinh Văn Bình - Nhà 8, Ngách 10, ngõ 120 - phường

## Quá trình học tập

Lớp 10 *
Bắc Ninh | Huyện Lương Tài | THPT Lương Tài | Khu vực 2 NT
Giỏi | Khá

Lớp 11 *
Bình Định | Huyện Hoài Nhơn | THPT Nguyễn Du (từ... | Khu vực 2 NT
Trung bình | Khá

Lớp 12 *
Bình Dương | Huyện Phú Giáo | THPT Phước Hòa | Khu vực 2 NT
Trung bình | Khá

Khu vực ưu tiên | Điểm ưu tiên khu vực
Khu vực 2 NT | 0.5

Năm tốt nghiệp THPT * | Xếp loại Tốt nghiệp THPT
2019 | Khá

## Điểm học bạ

| | Điểm TB năm lớp 11 | Điểm HK I Lớp 12 |
|---|---|---|
| Điểm Toán | 9 | 9 |
| Điểm Vật lý | 7 | 7 |
| Điểm Hóa học | 8 | 9 |
| Điểm Sinh học | 6.8 | 6.9 |
| Điểm Ngữ văn | 7.5 | 7.3 |

## Giấy tờ cần thiết

Hướng dẫn upload ảnh

Ảnh mặt trước CMND/CCCD bản gốc
Choose File dsds.jpg

Ảnh trang đầu có ảnh thí sinh trong học bạ bản gốc
Choose File dsds.jpg

Ảnh trang 1 kết quả lớp 11 bản gốc
Choose File dsds.jpg

Ảnh trang 2 kết quả lớp 11 bản gốc
Choose File dsds.jpg

Ảnh trang kết quả lớp 12 bản gốc
Choose File dsds.jpg

Ảnh mặt chính chứng nhận tốt nghiệp / bằng tốt nghiệp THPT bản gốc (nếu đã tốt nghiệp)
Choose File dsds.jpg

## Nguyện vọng đăng ký

*Lưu ý: Thí sinh nên chọn tổ hợp có tổng điểm cao nhất (khi xét tuyển-phân ngành học không có sự khác nhau giữa các tổ hợp). Điều kiện bắt buộc: Tổng điểm xét tuyển (TB tổ hợp + ĐTƯT + KVƯT)*

Nguyện vọng 1 *
Quản trị khách sạn | 7810201
A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh | 23.4

Nguyện vọng 2
Ngôn ngữ Anh | 7220201
D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh | 23.9

Nguyện vọng 3
Quản lý đất đai | 7850103
B00: Toán, Hóa học, Sinh học | 23.1

Nguyện vọng 4
Chọn Ngành | Mã ngành
Chọn Tổ hợp môn | Tổng điểm

Nguyện vọng 5
Chọn Ngành | Mã ngành
Chọn Tổ hợp môn | Tổng điểm

**Bước 03:** Sau khi khai báo đầy đủ thông tin, thí sinh chọn nguyện vọng ĐKXT từ nguyện vọng 1 tới các nguyện vọng tiếp theo như quy định hướng dẫn về đăng ký xét tuyển Đại học của nhà trường và ấn nút Đăng ký để gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển. Nếu hồ sơ khai báo hợp lệ, hệ thống tiếp nhận ĐKXT thành công thí sinh sẽ nhận được một mã OTP mật khẩu trả về để tra cứu, cập nhật hồ sơ sau này (*thí sinh lưu trữ mật khẩu OTP đảm bảo an toàn không cung cấp cho người khác*).

**B. Hướng dẫn cách sử dụng mật khẩu OTP để rà soát, chỉnh sửa cập nhật hồ sơ ĐKXT đối với thí sinh ĐKXT trực tuyến**

| | | |
|---|---|---|
| **Bước 1:**<br>**Dùng mật khẩu OTP truy cập web hồ sơ ĐKXT** | **Bước 2:**<br>**Kiểm tra rà soát thông tin hồ sơ ĐKXT** | **Bước 3:**<br>**Rà soát toàn bộ thông tin cá nhân, điểm xét tuyển, chỉnh sửa thông tin ĐKXT nếu thí sinh nhập sai thông tin cá nhân, điểm môn học,…** |

- Nếu quên mật khẩu, thí sinh gửi yêu cầu cấp lại mật khẩu tại link dưới đây: https://docs.google.com/forms/d/1VfaljoI_DsZLjPeG4ycT6_DQujuhgpEW6NW7YDOWMAw/viewform?edit_requested=true

- Thí sinh rà soát, chỉnh sửa thông tin ĐKXT, điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT hoặc bổ sung ảnh hồ sơ minh chứng nếu còn thiếu.

- Bổ sung ảnh hồ sơ: Thí sinh không can thiệp vào phần ảnh hồ sơ cũ, tải thêm ảnh mới bổ sung vào phần Thêm ảnh giấy tờ bổ sung (có thể thêm nhiều ảnh)

- Hồ sơ hợp lệ tối thiểu phải có ảnh HỌC BẠ LỚP 11, HỌC BẠ LỚP 12 (hoặc các loại giấy xác nhận điểm học tập) và GIẤY CHỨNG NHẬN / BẰNG TỐT NGHIỆP đối với thí sinh đã tốt nghiệp từ các năm trước. Trên ảnh phải hiển thị có dấu đỏ bản gốc hoặc dấu công chứng đỏ của nhà trường hoặc đơn vị có thẩm quyền. Thí sinh tham khảo hướng dẫn chụp ảnh tại Mục C bên dưới.

Lưu ý: Chụp ảnh ở nơi có ánh sáng để nhìn rõ dấu đỏ, rõ điểm, thông tin hồ sơ. Thí sinh tải lên file ảnh dạng phổ thông hiển thị được trên cổng tuyển sinh. Các thí sinh tốt nghiệp trong năm tuyển sinh chưa có bằng tốt nghiệp có thể bỏ qua phần ảnh bằng tốt nghiệp (phải nộp khi trúng tuyển và nhập học).

## C. Hướng dẫn cách chụp ảnh hồ sơ ĐKXT đúng quy định

***(Ảnh hướng dẫn minh họa cách chụp, phần thông tin cá nhân đã tô mờ hoặc bỏ trống làm mẫu, yêu cầu thí sinh chụp hồ sơ gốc rõ nét đầy đủ, chính xác thông tin theo thực tế)***

**LƯU Ý:** Thí sinh nên chụp ảnh hồ sơ minh chứng bản gốc hoặc công chứng có dấu đỏ. Trong trường hợp chưa thể có đủ ảnh hồ sơ gốc tại thời điểm ĐKXT, thí sinh phải bổ sung hồ sơ trực tuyến bằng mật khẩu OTP được cấp hoặc nộp trực tiếp trong thời gian xét tuyển của nhà trường.

**1. Đối với các phương thức sử dụng thông tin, kết quả Học bạ THPT (Xét tuyển Học bạ; Xét tuyển Đặc cách theo diện học sinh trường Chuyên hoặc 03 năm học lực giỏi):**

**01 ảnh chụp mặt chính chứng minh thư hoặc thẻ căn cước**

**01 Ảnh chụp trang thông tin chính (trang đầu tiên) trong Học bạ THPT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC BẠ

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Họ và tên:
Ngày sinh: năm Giới tính:
Nơi sinh:
Dân tộc: con liệt sĩ, con thương binh (bệnh binh, người được hưởng chế độ như thương binh, gia đình có công với cách mạng):
Chỗ ở hiện tại:
Họ và tên cha: nghề nghiệp:
Họ và tên mẹ: nghề nghiệp:
Họ và tên người giám hộ: nghề nghiệp:

TP. HCM, ngày 05 tháng 09 năm 2007
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)
LÊ MINH ĐỨC

QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

| Năm học | Lớp | Tên trường, huyện (quận, thị xã, TP thuộc tỉnh), tỉnh (TP) | Xác nhận của hiệu trưởng (ký tên và đóng dấu) |
|---|---|---|---|
| 2007 - 2008 | 10A3 | TRƯỜNG THPT NGUYỄN AN NINH QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH | 133/2007 |
| 2008 - 2009 | 11A8 | TRƯỜNG THPT NGUYỄN AN NINH QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH | |
| 2009 - 2010 | 12A1 | TRƯỜNG THPT NGUYỄN AN NINH QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH | |
| 20.... - 20.... | | | |
| 20.... - 20.... | | | |
| 20.... - 20.... | | | |

**Ảnh chụp kết quả học tập như mẫu bên dưới (đầy đủ các trang kết quả học tập, học lực của 03 năm lớp 10, 11, 12 THPT) trong Học bạ THPT hoặc Bản xác nhận kết quả học tập có dấu của Nhà trường**

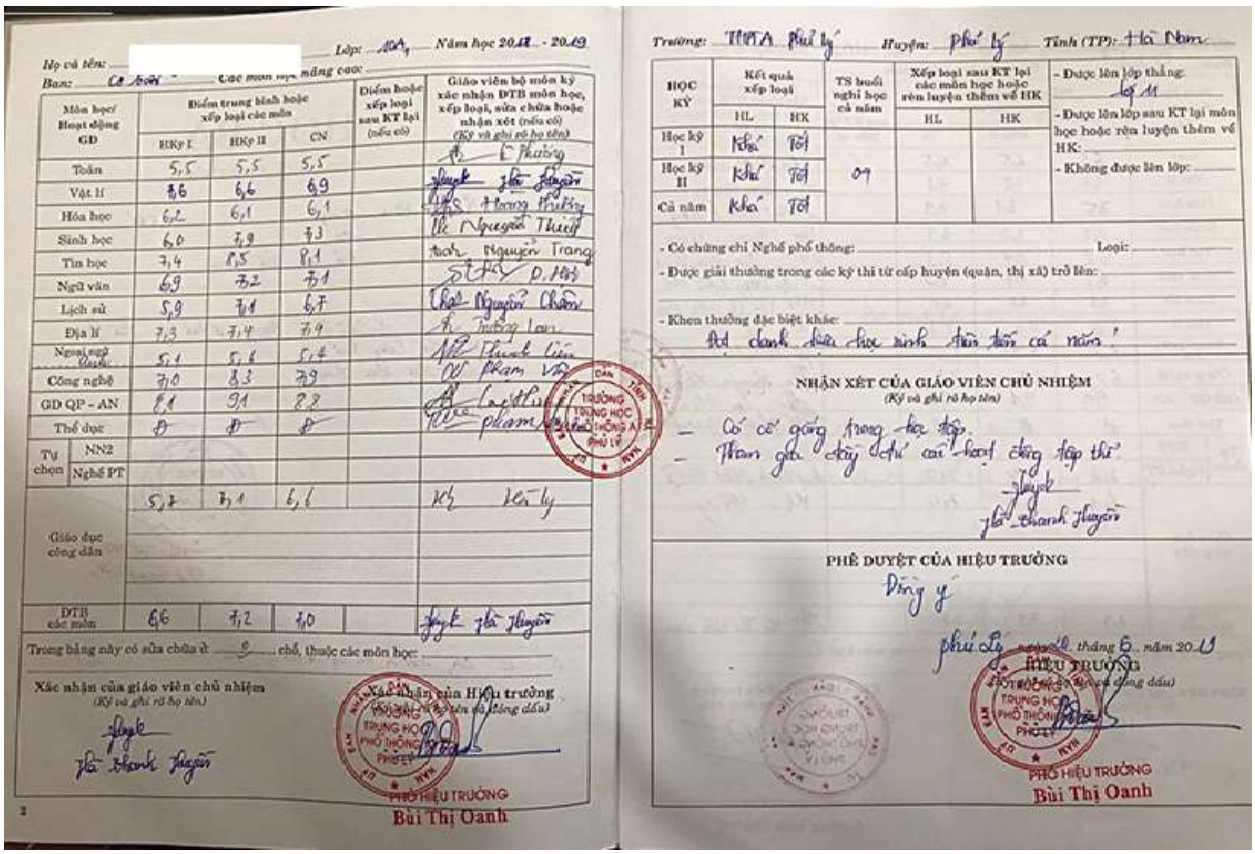

Họ và tên: ... Lớp: 10A1 Năm học 20.08 - 20.09
Ban: Cơ bản Các môn nâng cao:

| Môn học/ Hoạt động GD | Điểm trung bình hoặc xếp loại các môn HKỳ I | HKỳ II | CN | Điểm hoặc xếp loại sau KT lại (nếu có) | Giáo viên bộ môn ký xác nhận ĐTB môn học, xếp loại, sửa chữa hoặc nhận xét (nếu có) (Ký và ghi rõ họ tên) |
|---|---|---|---|---|---|
| Toán | 5,5 | 5,5 | 5,5 | | |
| Vật lí | 6,6 | 6,6 | 6,9 | | |
| Hóa học | 6,2 | 6,1 | 6,1 | | |
| Sinh học | 6,0 | 7,9 | 7,3 | | |
| Tin học | 7,4 | 8,5 | 8,1 | | |
| Ngữ văn | 6,9 | 7,2 | 7,1 | | |
| Lịch sử | 5,9 | 7,1 | 6,7 | | |
| Địa lí | 7,3 | 7,4 | 7,9 | | |
| Ngoại ngữ Tiếng Anh | 5,1 | 5,6 | 5,4 | | |
| Công nghệ | 7,0 | 8,3 | 7,9 | | |
| GD QP - AN | 8,1 | 9,1 | 8,2 | | |
| Thể dục | Đ | Đ | Đ | | |
| Tự chọn NN2 | | | | | |
| Tự chọn Nghề PT | | | | | |
| Giáo dục công dân | 5,7 | 7,1 | 6,1 | | |
| ĐTB các môn | 6,6 | 7,2 | 7,0 | | |

Trong bảng này có sửa chữa ở 0 chỗ, thuộc các môn học:

Xác nhận của giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Hiệu trưởng (Ký tên và đóng dấu)
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Oanh

Trường: THPT A Phú Lý Huyện: Phú Lý Tỉnh (TP): Hà Nam

| HỌC KỲ | Kết quả xếp loại HL | HK | TS buổi nghỉ học cả năm | Xếp loại sau KT lại các môn học hoặc rèn luyện thêm về HK HL | HK |
|---|---|---|---|---|---|
| Học kỳ 1 | Khá | Tốt | 09 | | |
| Học kỳ II | Khá | Tốt | | | |
| Cả năm | Khá | Tốt | | | |

- Được lên lớp thẳng: lớp 11
- Được lên lớp sau KT lại môn học hoặc rèn luyện thêm về HK:
- Không được lên lớp:
- Có chứng chỉ Nghề phổ thông: Loại:
- Được giải thưởng trong các kỳ thi từ cấp huyện (quận, thị xã) trở lên:
- Khen thưởng đặc biệt khác: Đạt danh hiệu học sinh tiên tiến cả năm

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM (Ký và ghi rõ họ tên)
- Có cố gắng trong học tập
- Tham gia đầy đủ các hoạt động tập thể

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG
Đồng ý
Phú Lý, ngày 6 tháng 6 năm 2011
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Bùi Thị Oanh

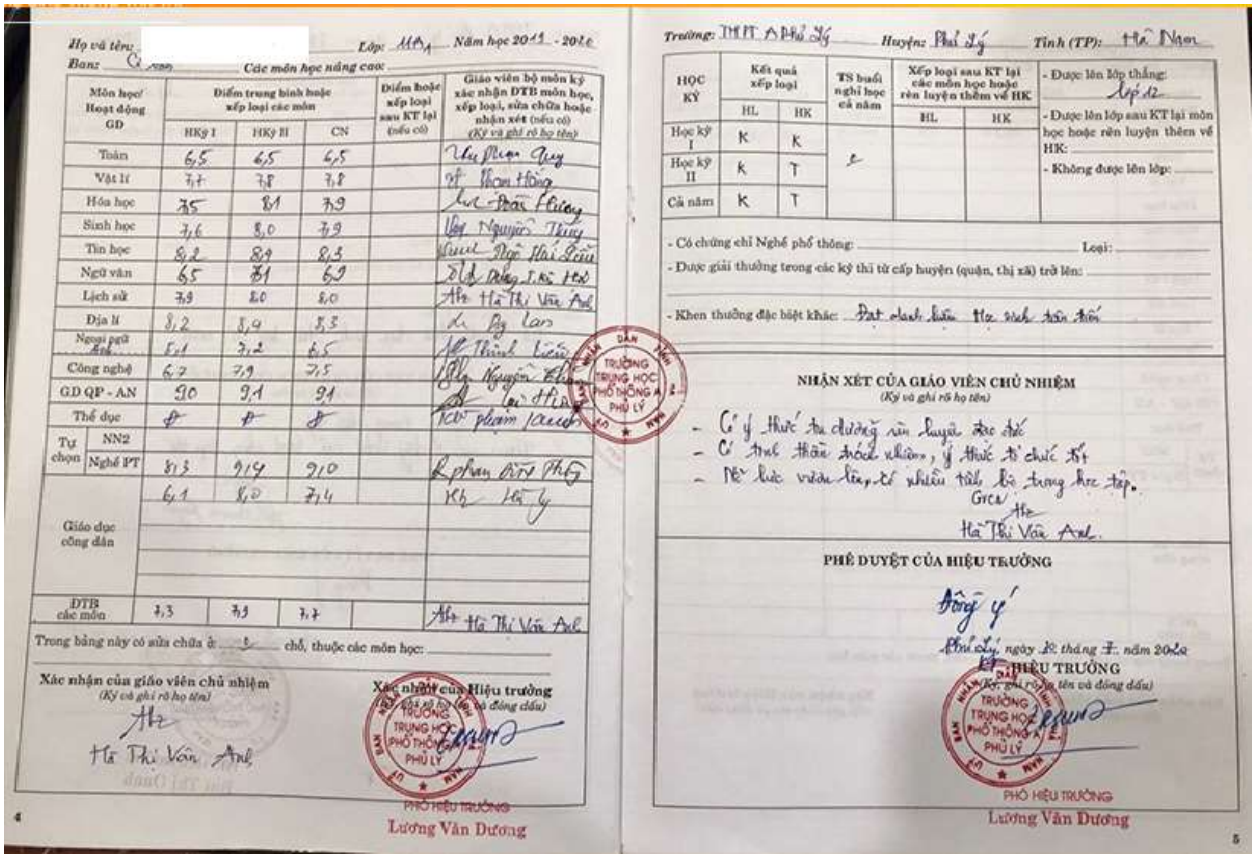

Họ và tên: [redacted] Lớp: 11A1 Năm học 2011 - 2012

Ban: Cơ bản Các môn học nâng cao:

| Môn học/ Hoạt động GD | Điểm trung bình hoặc xếp loại các môn | | | Điểm hoặc xếp loại sau KT lại (nếu có) | Giáo viên bộ môn ký xác nhận ĐTB môn học, xếp loại, sửa chữa hoặc nhận xét (nếu có) (Ký và ghi rõ họ tên) |
|---|---|---|---|---|---|
| | HKỳ I | HKỳ II | CN | | |
| Toán | 6,5 | 6,5 | 6,5 | | Vũ Phạm Quỳ |
| Vật lí | 7,7 | 7,8 | 7,8 | | Phạm Hồng |
| Hóa học | 7,5 | 8,1 | 7,9 | | Trần Hường |
| Sinh học | 7,6 | 8,0 | 7,9 | | Nguyễn Thùng |
| Tin học | 8,2 | 8,9 | 8,3 | | Ngô Thái Liêu |
| Ngữ văn | 6,5 | 6,1 | 6,9 | | Đặng T.K. Hà |
| Lịch sử | 7,9 | 8,0 | 8,0 | | Hà Thị Vân Anh |
| Địa lí | 8,2 | 8,4 | 8,3 | | Lê Bg Lan |
| Ngoại ngữ Anh | 5,1 | 7,2 | 6,5 | | Nguyễn Thanh Liêu |
| Công nghệ | 6,2 | 7,9 | 7,5 | | Nguyễn Thị |
| GD QP - AN | 9,0 | 9,1 | 9,1 | | Lê Thị |
| Thể dục | Đ | Đ | Đ | | Phạm Lâm |
| Tự chọn NN2 | | | | | |
| Tự chọn Nghề PT | 8,3 | 9,4 | 9,0 | | Phan Thị Phố |
| Giáo dục công dân | 6,1 | 8,0 | 7,4 | | Kh Hồ Lý |
| ĐTB các môn | 7,3 | 7,9 | 7,7 | | Hà Thị Vân Anh |

Trong bảng này có sửa chữa ở 5 chỗ, thuộc các môn học:

Xác nhận của giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Thị Vân Anh

Xác nhận của Hiệu trưởng (Ký và ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lương Văn Dương

4

Trường: THPT A Phù Lý Huyện: Phủ Lý Tỉnh (TP): Hà Nam

| HỌC KỲ | Kết quả xếp loại | | TS buổi nghỉ học cả năm | Xếp loại sau KT lại các môn học hoặc rèn luyện thêm về HK | |
|---|---|---|---|---|---|
| | HL | HK | | HL | HK |
| Học kỳ I | K | K | 2 | | |
| Học kỳ II | K | T | | | |
| Cả năm | K | T | | | |

- Được lên lớp thẳng: Lớp 12
- Được lên lớp sau KT lại môn học hoặc rèn luyện thêm về HK:
- Không được lên lớp:

- Có chứng chỉ Nghề phổ thông: Loại:
- Được giải thưởng trong các kỳ thi từ cấp huyện (quận, thị xã) trở lên:
- Khen thưởng đặc biệt khác: Đạt danh hiệu Học sinh tiên tiến

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM (Ký và ghi rõ họ tên)

- Có ý thức tu dưỡng rèn luyện đạo đức
- Có tinh thần đoàn kết, ý thức tổ chức kỷ
- Nỗ lực vươn lên, có nhiều tiến bộ trong học tập.

Giỏi

Hà Thị Vân Anh.

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

Đồng ý

Phủ Lý, ngày 28 tháng 7 năm 2012

KT. HIỆU TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lương Văn Dương

5

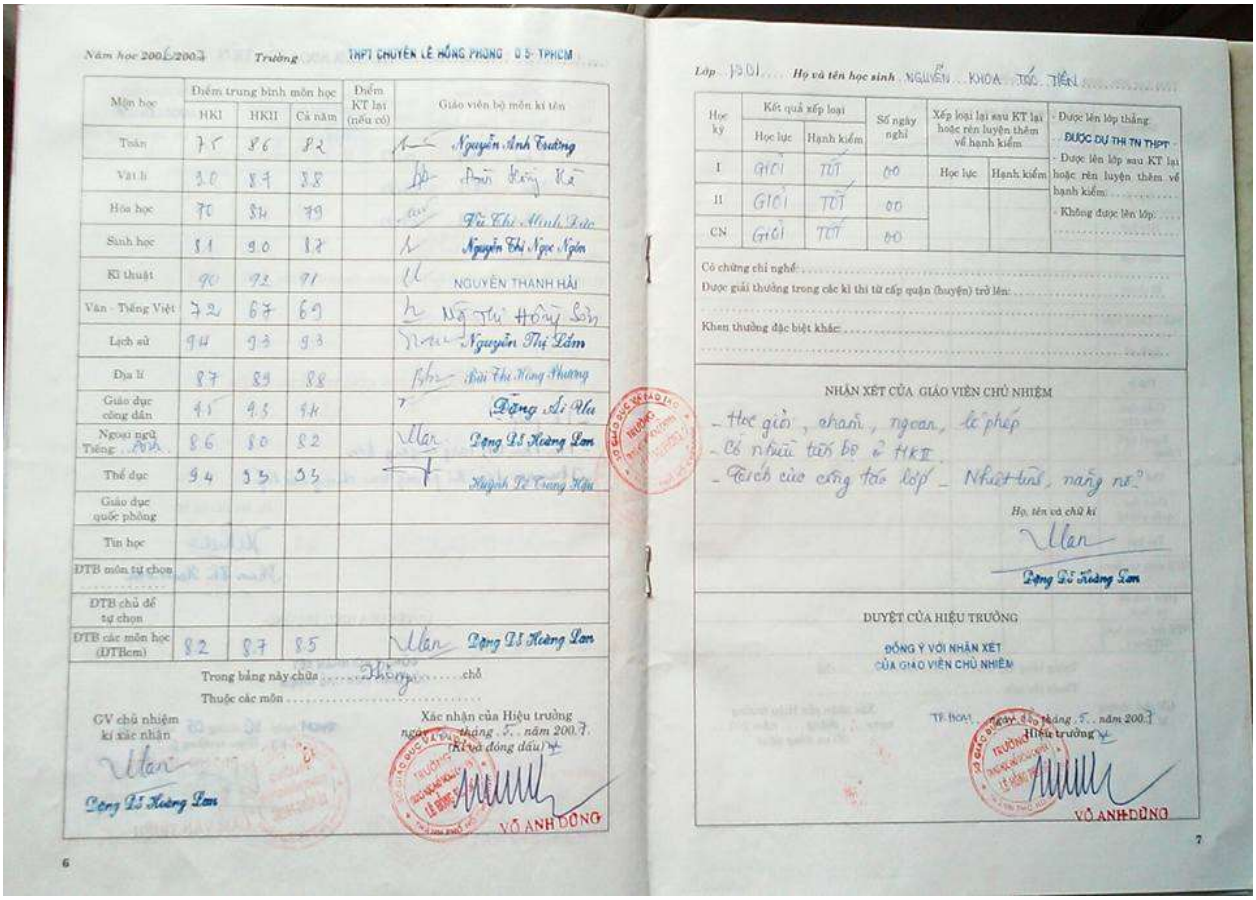

Năm học 2006-2007 Trường THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG Q.5 - TPHCM

| Môn học | Điểm trung bình môn học | | | Điểm KT lại (nếu có) | Giáo viên bộ môn kí tên |
|---|---|---|---|---|---|
| | HKI | HKII | Cả năm | | |
| Toán | 7.5 | 8.6 | 8.2 | | Nguyễn Anh Trường |
| Vật lí | 8.0 | 8.7 | 8.8 | | Trần Đăng Kế |
| Hóa học | 7.6 | 8.4 | 7.9 | | Từ Thị Minh Đức |
| Sinh học | 8.1 | 9.0 | 8.7 | | Nguyễn Thị Ngọc Ngôn |
| Kĩ thuật | 9.0 | 9.2 | 9.1 | | NGUYỄN THANH HẢI |
| Văn - Tiếng Việt | 7.2 | 6.7 | 6.9 | | Nguyễn Thị Lâm |
| Lịch sử | 9.4 | 9.3 | 9.3 | | Nguyễn Thị Lâm |
| Địa lí | 8.7 | 8.9 | 8.8 | | Bùi Thị Hồng Thương |
| Giáo dục công dân | 9.5 | 9.5 | 9.4 | | Đặng Lê Yên |
| Ngoại ngữ Tiếng Anh | 8.6 | 8.0 | 8.2 | | Đặng Lê Hoàng Lan |
| Thể dục | 9.4 | 9.5 | 9.5 | | Huỳnh Tế Trung Hậu |
| Giáo dục quốc phòng | | | | | |
| Tin học | | | | | |
| ĐTB môn tự chọn | | | | | |
| ĐTB chủ đề tự chọn | | | | | |
| ĐTB các môn học (ĐTBcm) | 8.2 | 8.7 | 8.5 | | Đặng Lê Hoàng Lan |

Trong bảng này chữa Không chỗ

Thuộc các môn

GV chủ nhiệm kí xác nhận

Đặng Lê Hoàng Lan

Xác nhận của Hiệu trưởng ngày 5 tháng 5 năm 2007 (Kí và đóng dấu)

VÕ ANH DŨNG

6

Lớp 10C1 Họ và tên học sinh NGUYỄN KHOA TÚC TIÊN

| Học kỳ | Kết quả xếp loại | | Số ngày nghỉ | Xếp loại lại sau KT lại hoặc rèn luyện thêm về hạnh kiểm | | - Được lên lớp thẳng: ĐƯỢC DỰ THI TN THPT |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Học lực | Hạnh kiểm | | Học lực | Hạnh kiểm | - Được lên lớp sau KT lại hoặc rèn luyện thêm về hạnh kiểm: |
| I | GIỎI | TỐT | 00 | | | - Không được lên lớp: |
| II | GIỎI | TỐT | 00 | | | |
| CN | GIỎI | TỐT | 00 | | | |

Có chứng chỉ nghề:

Được giải thưởng trong các kì thi từ cấp quận (huyện) trở lên:

Khen thưởng đặc biệt khác:

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

- Học giỏi, chăm, ngoan, ít phép
- Có nhiều tiến bộ ở HKII
- Tích cực công tác lớp _ Nhiệt tình, năng nổ

Họ, tên và chữ kí

Đặng Lê Hoàng Lan

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

ĐỒNG Ý VỚI NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 5 năm 2007

Hiệu trưởng

VÕ ANH DŨNG

7

**01 Ảnh mặt chính bằng Tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (còn giá trị đối với thí sinh đã tốt nghiệp tính đến thời điểm ĐKXT)**

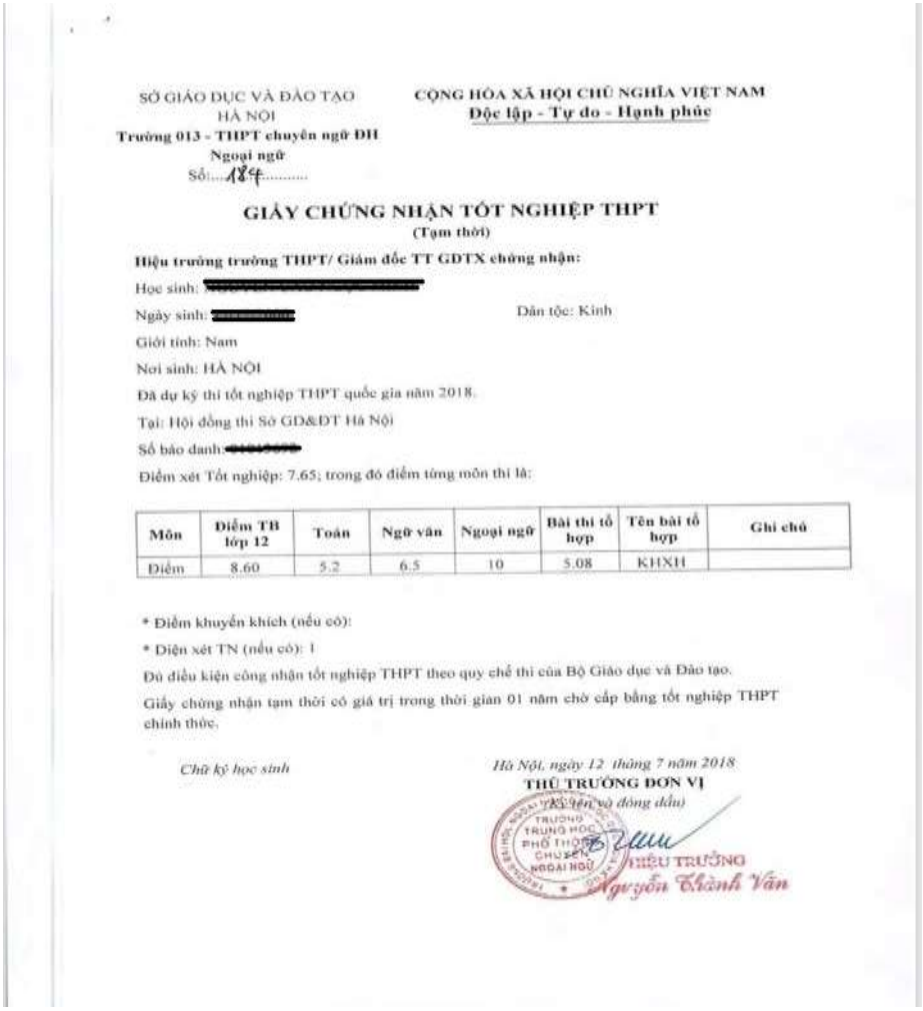

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HÀ NỘI
Trường 013 - THPT chuyên ngữ ĐH Ngoại ngữ
Số: 184

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT**
(Tạm thời)

**Hiệu trưởng trường THPT/ Giám đốc TT GDTX chứng nhận:**

Học sinh: [redacted]

Ngày sinh: [redacted] Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Nơi sinh: HÀ NỘI

Đã dự kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2018.

Tại: Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội

Số báo danh: [redacted]

Điểm xét Tốt nghiệp: 7.65; trong đó điểm từng môn thi là:

| Môn | Điểm TB lớp 12 | Toán | Ngữ văn | Ngoại ngữ | Bài thi tổ hợp | Tên bài tổ hợp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Điểm | 8.60 | 5.2 | 6.5 | 10 | 5.08 | KHXH | |

* Điểm khuyến khích (nếu có):

* Diện xét TN (nếu có): 1

Đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp THPT theo quy chế thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giấy chứng nhận tạm thời có giá trị trong thời gian 01 năm chờ cấp bằng tốt nghiệp THPT chính thức.

*Chữ ký học sinh*

*Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2018*
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
*(Ký tên và đóng dấu)*

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN NGOẠI NGỮ

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thành Văn

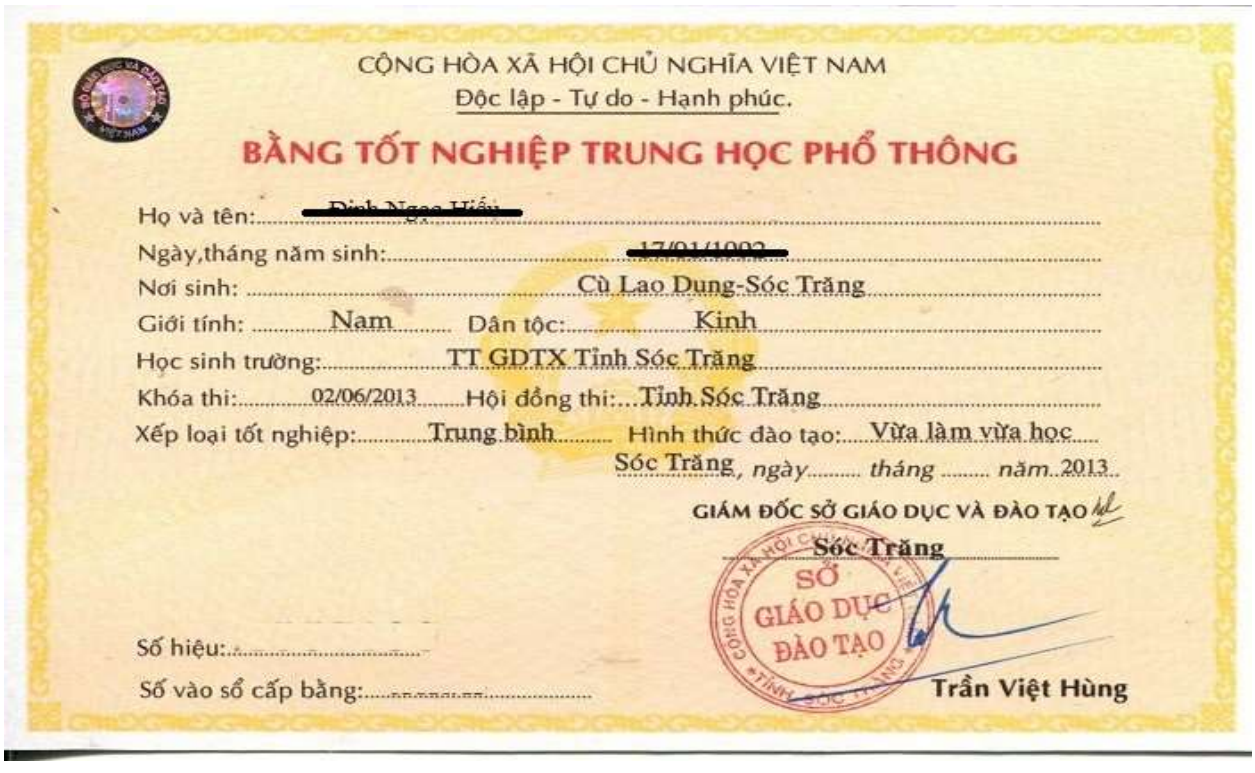

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

**BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

Họ và tên: [redacted]
Ngày,tháng năm sinh: [redacted]
Nơi sinh: Cù Lao Dung-Sóc Trăng
Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh
Học sinh trường: TT GDTX Tỉnh Sóc Trăng
Khóa thi: 02/06/2013 Hội đồng thi: Tỉnh Sóc Trăng
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Sóc Trăng, ngày ..... tháng ..... năm 2013

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Sóc Trăng

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Trần Việt Hùng

Số hiệu:
Số vào sổ cấp bằng:

**2. Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả từ các minh chứng khác Học bạ THPT (Xét tuyển đặc cách theo Chứng chỉ tiếng Anh; Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL)** ***sau khi đã hoàn thành đầy đủ các hồ sơ ở mục 1 thí sinh chụp và tải lên hệ thống ảnh các loại hồ sơ theo quy định như sau:***

**Đối với thí sinh xét tuyển đặc cách bằng chứng chỉ IELTS (CHỤP BẢN GỐC)**

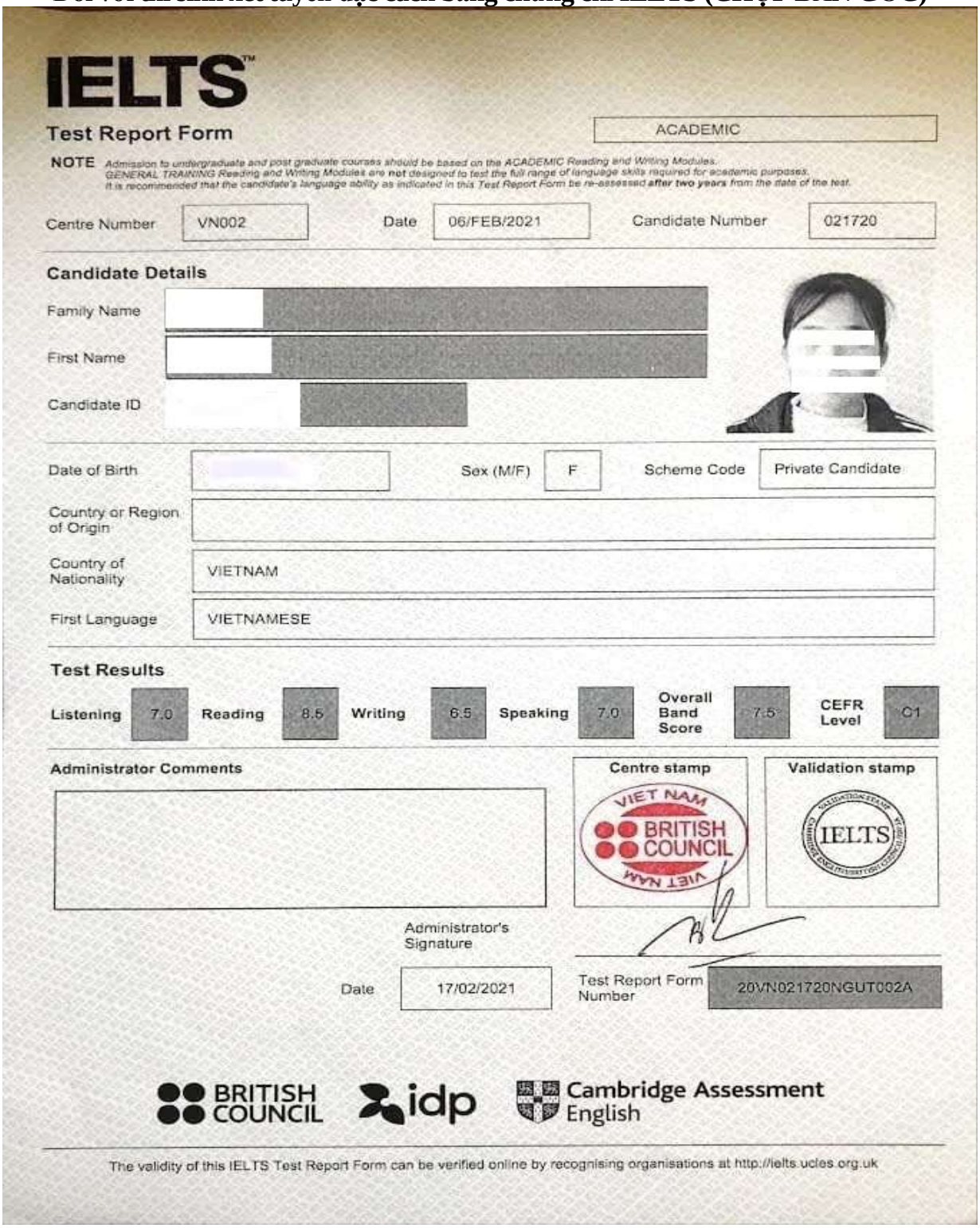

IELTS™

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE Admission to undergraduate and post graduate courses should be based on the ACADEMIC Reading and Writing Modules. GENERAL TRAINING Reading and Writing Modules are not designed to test the full range of language skills required for academic purposes. It is recommended that the candidate's language ability as indicated in this Test Report Form be re-assessed after two years from the date of the test.

Centre Number: VN002 | Date: 06/FEB/2021 | Candidate Number: 021720

Candidate Details

Family Name: [redacted]

First Name: [redacted]

Candidate ID: [redacted]

Date of Birth: [redacted] | Sex (M/F): F | Scheme Code: Private Candidate

Country or Region of Origin:

Country of Nationality: VIETNAM

First Language: VIETNAMESE

Test Results

| Listening | Reading | Writing | Speaking | Overall Band Score | CEFR Level |
|---|---|---|---|---|---|
| 7.0 | 8.5 | 6.5 | 7.0 | 7.5 | C1 |

Administrator Comments

Centre stamp: VIET NAM BRITISH COUNCIL VIET NAM

Validation stamp: IELTS

Administrator's Signature

Date: 17/02/2021

Test Report Form Number: 20VN021720NGUT002A

BRITISH COUNCIL idp Cambridge Assessment English

The validity of this IELTS Test Report Form can be verified online by recognising organisations at http://ielts.ucles.org.uk

**Đối với thí sinh xét tuyển đặc cách bằng chứng chỉ TOEFL IBT (CHỤP BẢN GỐC)**

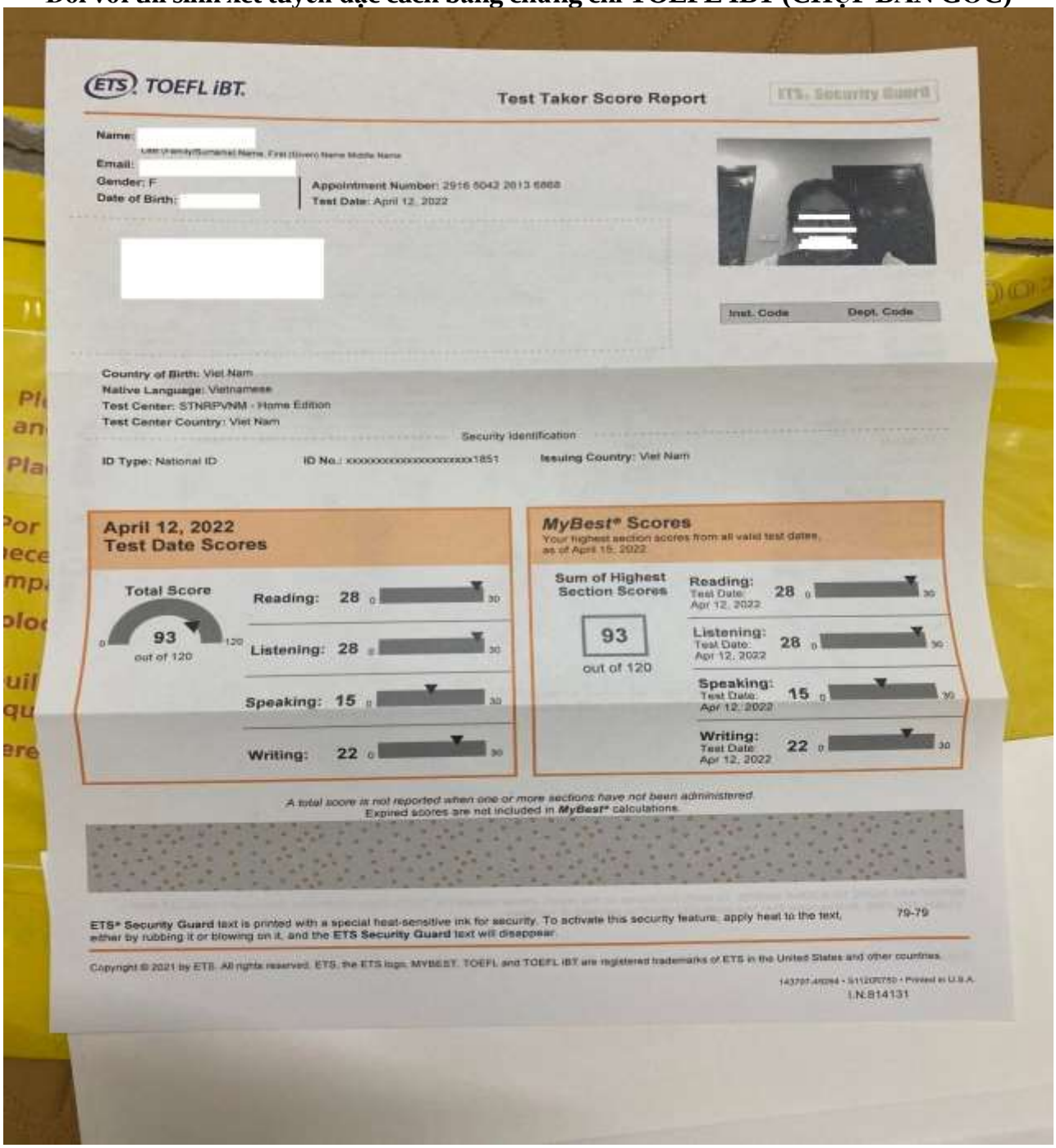

ETS TOEFL iBT

Test Taker Score Report

Name:
Email:
Gender: F
Date of Birth:

Appointment Number: 2916 5042 2813 6868
Test Date: April 12, 2022

Inst. Code | Dept. Code

Country of Birth: Viet Nam
Native Language: Vietnamese
Test Center: STNRPVNM - Home Edition
Test Center Country: Viet Nam

Security Identification

ID Type: National ID | ID No.: xxxxxxxxxxxxxxxxxxx1851 | Issuing Country: Viet Nam

**April 12, 2022 Test Date Scores**

Total Score: 93 out of 120

| | | |
|---|---|---|
| Reading: | 28 | 0–30 |
| Listening: | 28 | 0–30 |
| Speaking: | 15 | 0–30 |
| Writing: | 22 | 0–30 |

***MyBest*® Scores**
Your highest section scores from all valid test dates, as of April 15, 2022

Sum of Highest Section Scores: 93 out of 120

| | | Test Date |
|---|---|---|
| Reading: | 28 | Apr 12, 2022 |
| Listening: | 28 | Apr 12, 2022 |
| Speaking: | 15 | Apr 12, 2022 |
| Writing: | 22 | Apr 12, 2022 |

*A total score is not reported when one or more sections have not been administered.*
Expired scores are not included in ***MyBest*®** calculations.

**ETS® Security Guard** text is printed with a special heat-sensitive ink for security. To activate this security feature, apply heat to the text, either by rubbing it or blowing on it, and the **ETS Security Guard** text will disappear.

79-79

Copyright © 2021 by ETS. All rights reserved. ETS, the ETS logo, MYBEST, TOEFL and TOEFL iBT are registered trademarks of ETS in the United States and other countries.

I.N.814131

**Đối với thí sinh xét tuyển đặc cách bằng chứng nhận kết quả thi ĐGNL đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐH Quốc gia Hà Nội (CHỤP BẢN GỐC)**

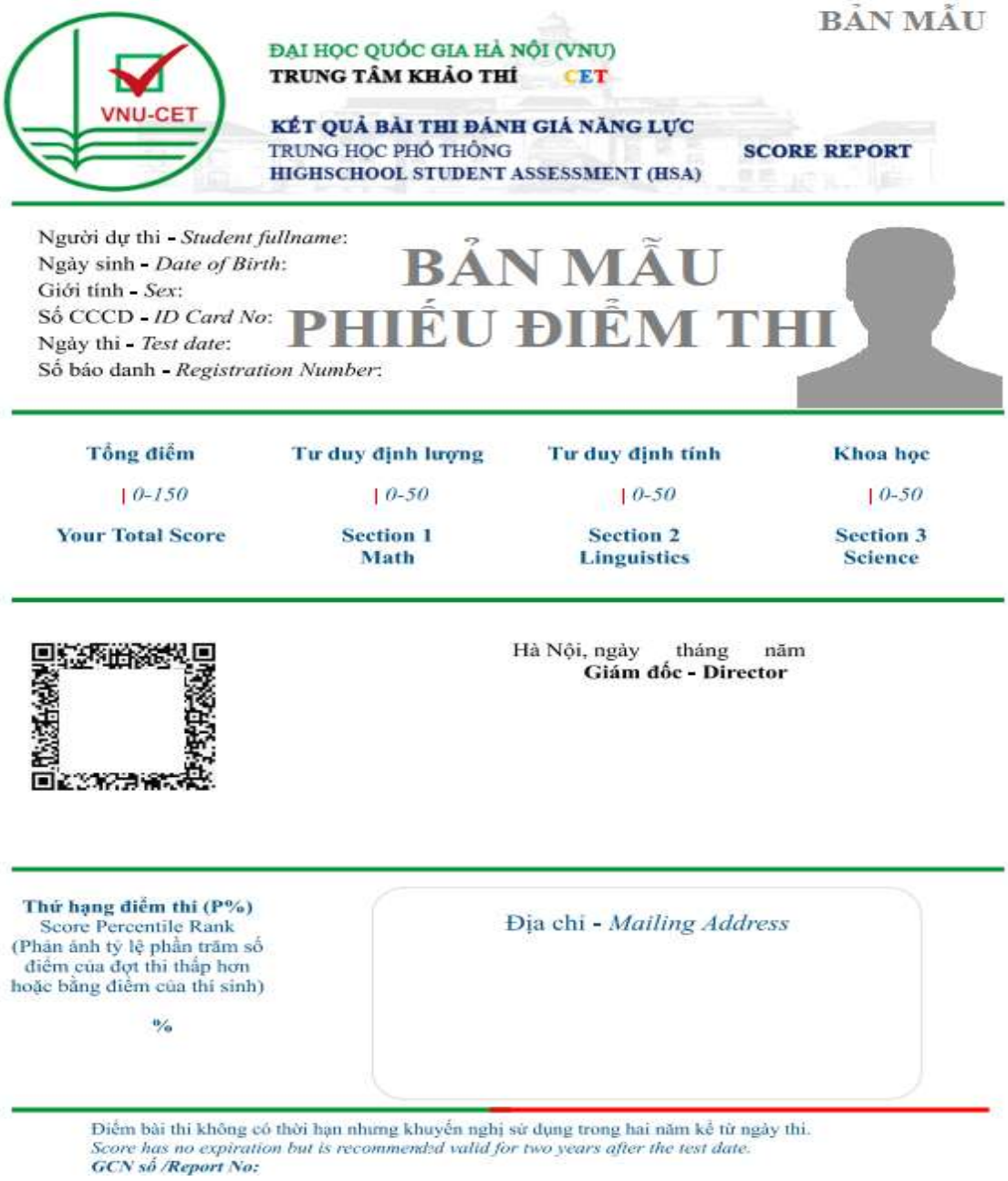

BẢN MẪU

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VNU)
TRUNG TÂM KHẢO THÍ CET

KẾT QUẢ BÀI THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HIGHSCHOOL STUDENT ASSESSMENT (HSA)

SCORE REPORT

Người dự thi - *Student fullname*:
Ngày sinh - *Date of Birth*:
Giới tính - *Sex*:
Số CCCD - *ID Card No*:
Ngày thi - *Test date*:
Số báo danh - *Registration Number*:

BẢN MẪU
PHIẾU ĐIỂM THI

| Tổng điểm | Tư duy định lượng | Tư duy định tính | Khoa học |
|---|---|---|---|
| *0-150* | *0-50* | *0-50* | *0-50* |
| Your Total Score | Section 1 Math | Section 2 Linguistics | Section 3 Science |

Hà Nội, ngày tháng năm
Giám đốc - Director

Thứ hạng điểm thi (P%)
Score Percentile Rank
(Phản ánh tỷ lệ phần trăm số điểm của đợt thi thấp hơn hoặc bằng điểm của thí sinh)

%

Địa chỉ - *Mailing Address*

Điểm bài thi không có thời hạn nhưng khuyến nghị sử dụng trong hai năm kể từ ngày thi.
*Score has no expiration but is recommended valid for two years after the test date.*
*GCN số /Report No:*

**<u>Lưu ý:</u> Yêu cầu thí sinh hoàn thiện đầy đủ chính xác các thông tin, nếu hồ sơ minh chứng không đạt yêu cầu hoặc sai lệch so với thông tin ĐKXT nhà trường sẽ không công nhận kết quả trúng tuyển, từ chối nhập học hoặc buộc thôi học *(nếu có)*.**